



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Tỉnh Sơn La

Số 43

Ngày 10 tháng 07 năm 2026

MỤC LỤC

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

UBND TỈNH

25/06/2026	Quyết định của UBND tỉnh số 26/2026/QĐ-UBND bãi bỏ Quyết định số 60/2025/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của UBND tỉnh về việc quy định chức năng, nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nội vụ tỉnh Sơn La.	3
30/06/2026	Quyết định của UBND tỉnh số 27/2026/QĐ-UBND phân cấp, uỷ quyền thực hiện một số nhiệm vụ thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh trong lĩnh vực quản lý đất đai trên địa bàn tỉnh Sơn La.	4
30/06/2026	Quyết định của UBND tỉnh số 28/2026/QĐ-UBND ban hành tiêu chí đánh giá, xếp loại chất lượng đối với các cơ quan hành chính nhà nước thuộc phạm vi quản lý của UBND tỉnh Sơn La.	12

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

UBND TỈNH

25/06/2026	Quyết định của UBND tỉnh số 1548/QĐ-UBND về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nội vụ tỉnh Sơn La.	18
28/06/2026	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh số 1563/QĐ-UBND về việc kết thúc hoạt động của Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Sơn La	34

30/06/2026	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh số 1593/QĐ-UBND ban hành Kế hoạch Triển khai thực hiện Đề án phát triển du lịch cộng đồng trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2026 - 2030.	36
01/07/2026	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh số 1596/QĐ-UBND triển khai thi hành Luật Phòng, chống ma túy năm 2025.	55

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số 26/2026/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 25 tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Bãi bỏ Quyết định số 60/2025/QĐ-UBND ngày 01/7/2025
của UBND tỉnh về việc quy định chức năng, nhiệm vụ
quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nội vụ tỉnh Sơn La**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ;

Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và UBND xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 370/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 10/2025/TT-BNV ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Nội vụ thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và lĩnh vực nội vụ của phòng chuyên môn thuộc UBND xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 06/2026/TT-BNV ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Bộ Nội vụ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tỉnh Sơn La;

UBND tỉnh ban hành Quyết định bãi bỏ Quyết định số 60/2025/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nội vụ tỉnh Sơn La.

Điều 1. Bãi bỏ toàn bộ văn bản

Bãi bỏ toàn bộ Quyết định số 60/2025/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Sơn La về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nội vụ tỉnh Sơn La.

Điều 2. Điều khoản thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 7 năm 2026./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đình Việt

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 27/2026/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 30 tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Phân cấp, ủy quyền thực hiện một số nhiệm vụ thuộc thẩm quyền
của UBND tỉnh trong linh vực quản lý đất đai trên địa bàn tỉnh Sơn La**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi các Luật số 43/2024/QH15, số 47/2024/QH15, số 58/2024/QH15, số 71/2025/QH15, số 84/2025/QH15, số 93/2025/QH15, số 95/2025/QH15, số 146/2025/QH15 và số 147/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 của Quốc hội quy định về việc xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định về một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 71/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai, đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 8 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường;

UBND tỉnh ban hành Quyết định phân cấp, ủy quyền thực hiện một số nhiệm vụ thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh trong lĩnh vực quản lý đất đai trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định phân cấp, ủy quyền một số nhiệm vụ thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh trong lĩnh vực đất đai theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Chủ tịch UBND tỉnh, UBND cấp xã, Chủ tịch UBND cấp xã.
2. Cơ quan nhà nước thực hiện quyền hạn và trách nhiệm đại diện chủ sở hữu toàn dân về đất đai, thực hiện nhiệm vụ thống nhất quản lý nhà nước về đất đai.
3. Người sử dụng đất theo quy định tại Điều 4 Luật Đất đai năm 2024.
4. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý, sử dụng đất.

Điều 3. Phân cấp, ủy quyền thực hiện một số nhiệm vụ thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh trong lĩnh vực quản lý đất đai trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

1. Ủy quyền cho Chủ tịch UBND tỉnh thực hiện một số nhiệm vụ thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ.

a) Nội dung và phạm vi ủy quyền: Theo Phụ lục I kèm theo.

b) Thời gian ủy quyền: Kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành cho đến trước ngày 01 tháng 3 năm 2027.

c) Cách thức thực hiện và điều kiện cần thiết để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn ủy quyền

Người được ủy quyền thực hiện việc ký các văn bản thuộc phạm vi được ủy quyền theo đúng quy trình, thủ tục hiện hành; chịu trách nhiệm trước người ủy quyền và trước pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ được giao. Việc thực hiện ủy quyền chỉ được tiến hành khi có đầy đủ hồ sơ, tài liệu liên quan và trong thời hạn ủy quyền đã xác định.

2. Phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã thực hiện một số nhiệm vụ thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ.

Nội dung phân cấp chi tiết theo Phụ lục II kèm theo.

Điều 4. Trách nhiệm thực hiện

1. Chủ tịch UBND tỉnh, UBND cấp xã, Chủ tịch UBND cấp xã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn đã được phân cấp, ủy quyền và chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh, trước pháp luật về kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp, ủy quyền.

2. UBND cấp xã, Chủ tịch UBND cấp xã định kỳ 06 tháng (*trước ngày 15/6 hằng năm và ngày 15 tháng 12 hằng năm*) đánh giá, báo cáo UBND tỉnh (*qua Sở Nông nghiệp và Môi trường*) về kết quả việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp theo quy định tại Quyết định này.

Điều 5. Quy định chuyển tiếp

1. Đối với các hồ sơ, thủ tục hành chính đang giải quyết trước ngày quyết định này có hiệu lực thi hành thì cơ quan đang giải quyết tiếp tục giải quyết theo thẩm quyền, quy định pháp luật tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ.

2. Đối với các hồ sơ, thủ tục hành chính phát sinh sau ngày quyết định này có hiệu lực thi hành, trong thời gian UBND tỉnh chưa ban hành quy định về trình tự, thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai theo Nghị định số 49/2026/NĐ-CP của Chính phủ, việc giải quyết thủ tục hành chính về đất đai được thực hiện theo các quy định của pháp luật đã áp dụng trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành, bảo đảm không làm gián đoạn quá trình tiếp nhận, giải quyết hồ sơ.

Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 6 năm 2026 và hết hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 3 năm 2027.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan được sửa đổi, bổ sung, ban hành để phù hợp với việc tổ chức chính quyền 02 cấp thì thực hiện theo các văn bản quy phạm pháp luật mới được ban hành.

3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường; Chủ tịch UBND các xã, phường và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đình Việt

PHỤ LỤC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 27/2026/QĐ-UBND)

Phụ lục I

**ỦY QUYỀN CHO CHỦ TỊCH UBND TỈNH THỰC HIỆN
MỘT SỐ NHIỆM VỤ THUỘC THẨM QUYỀN CỦA UBND
TỈNH THEO QUY ĐỊNH TẠI KHOẢN 1 ĐIỀU 14 NGHỊ ĐỊNH
SỐ 49/2026/NĐ-CP NGÀY 31/01/2026 CỦA CHÍNH PHỦ**

I. Nhiệm vụ thu hồi đất

Quyết định thu hồi đất do vi phạm pháp luật về đất đai đối với trường hợp thuộc thẩm quyền giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đã ủy quyền cho Chủ tịch UBND tỉnh tại mục III phụ lục này trừ trường hợp đã phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã tại khoản 3 mục I Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này.

II. Nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư

Quyết định giá bán nhà ở tái định cư đối với trường hợp bố trí nhà ở tái định cư tại địa bàn cấp xã khác với địa bàn cấp xã có đất thu hồi.

III. Nhiệm vụ giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, gia hạn sử dụng đất, chuyển hình thức sử dụng đất, công nhận quyền sử dụng đất

1. Quyết định giao đất cho tổ chức phát triển quỹ đất quản lý, khai thác quỹ đất đối với trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 113 Luật Đất đai;

2. Quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, quyết định điều chỉnh, gia hạn sử dụng đất đối với trường hợp quy định tại các khoản 1, 4 Điều 123 Luật Đất đai mà thuộc trường hợp giao đất có thu tiền sử dụng đất theo quy định tại các khoản 2, 3 Điều 119 Luật Đất đai, thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê theo quy định tại khoản 1 Điều 125 Luật Đất đai nhưng không được miễn toàn bộ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;

3. Quyết định công nhận quyền sử dụng đất đối với trường hợp thuộc thẩm quyền giao đất, cho thuê đất, đã ủy quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định tại khoản 2 mục này;

4. Quyết định giao đất, cho thuê đất đối với người sử dụng đất trong khu công nghệ cao theo quy định tại Điều 95 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP;

5. Quyết định giao đất, cho thuê đất cho công ty nông, lâm nghiệp đối với phần diện tích công ty nông, lâm nghiệp giữ lại theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 69 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP;

6. Quyết định giao đất, cho thuê đất cho tổ chức kinh tế, đơn vị sự nghiệp công lập đối với phần diện tích tổ chức kinh tế, đơn vị sự nghiệp công lập giữ lại theo phương án sử dụng đất được phê duyệt theo quy định tại khoản 2 Điều 180 Luật Đất đai năm 2024;

7. Quyết định hình thức sử dụng đất theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 142 Luật Đất đai, chuyển hình thức sử dụng đất với trường hợp thuộc thẩm quyền giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất đã ủy quyền cho Chủ tịch UBND tỉnh tại các khoản 2, 3 mục này;

8. Quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, điều chỉnh thời hạn sử dụng đất, gia hạn sử dụng đất, chuyển hình thức sử dụng đất, công nhận quyền sử dụng đất đối với các dự án có nhu cầu sử dụng đất trên địa bàn 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên.

IV. Nhiệm vụ chấp thuận về việc thỏa thuận nhận quyền sử dụng đất để thực hiện dự án

Chấp thuận bằng văn bản về việc thỏa thuận về nhận quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đối với trường hợp quy định tại điểm c khoản 3 Điều 127 Luật Đất đai mà thuộc thẩm quyền giao đất, cho thuê đất đã ủy quyền cho Chủ tịch UBND tỉnh theo quy định tại khoản 2 mục III phụ lục này.

V. Nhiệm vụ liên quan đến chấp thuận, phê duyệt phương án sử dụng đất

1. Chấp thuận phương án sử dụng đất kết hợp quy định tại khoản 4 Điều 218 Luật Đất đai thuộc thẩm quyền UBND tỉnh theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 49/2026/NĐ-CP đối với trường hợp thuộc thẩm quyền giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đã ủy quyền cho Chủ tịch UBND tỉnh theo quy định tại các khoản 2, 3 mục III Phụ lục này;

2. Thành lập Hội đồng thẩm định, phê duyệt phương án sử dụng đất quy định tại điểm b khoản 1 Điều 181 Luật Đất đai năm 2024.

Phụ lục II
PHÂN CẤP CHO CHỦ TỊCH UBND CẤP XÃ THỰC HIỆN
MỘT SỐ NHIỆM VỤ THUỘC THẨM QUYỀN CỦA UBND
TỈNH THEO QUY ĐỊNH TẠI KHOẢN 1 ĐIỀU 14 NGHỊ ĐỊNH
SỐ 49/2026/NĐ-CP NGÀY 31/01/2026 CỦA CHÍNH PHỦ

I. Nhiệm vụ thu hồi đất

1. Quyết định thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh theo quy định tại Điều 78 Luật Đất đai, khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 254/2025/QH15;
2. Quyết định thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng theo quy định tại Điều 79 Luật Đất đai, khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 254/2025/QH15;
3. Quyết định thu hồi đất do vi phạm pháp luật về đất đai theo quy định tại Điều 81 Luật Đất đai trừ trường hợp đã ủy quyền cho Chủ tịch UBND tỉnh theo quy định tại mục I Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này;
4. Quyết định thu hồi đất do chấm dứt việc sử dụng đất theo pháp luật, tự nguyện trả lại đất, có nguy cơ đe dọa tính mạng con người, không còn khả năng tiếp tục sử dụng theo quy định tại Điều 82 Luật Đất đai;
5. Phê duyệt, điều chỉnh kế hoạch thu hồi đất theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 13 Nghị định số 49/2026/NĐ-CP;
6. Ban hành Thông báo thu hồi đất mà thẩm quyền thu hồi đất đã phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã tại các khoản 1, 2 và 4 mục I Phụ lục này;
7. Phê duyệt phương án cưỡng chế quyết định thu hồi đất và kinh phí cho hoạt động cưỡng chế quy định tại điểm b khoản 5 Điều 89 Luật Đất đai.

II. Nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư

1. Quyết định thành lập Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với từng dự án;
2. Quyết định thành lập Ban cưỡng chế kiểm đếm bắt buộc;
3. Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất mà thẩm quyền thu hồi đất đã phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã tại các khoản 1, 2 và 4 mục I Phụ lục này;
4. Quyết định giá bán nhà ở tái định cư trong địa bàn cấp xã trừ trường hợp bố trí nhà ở tái định cư tại địa bàn cấp xã khác với địa bàn cấp xã có đất thu hồi.

III. Nhiệm vụ giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, điều chỉnh, gia hạn sử dụng đất, chuyển hình thức sử dụng đất, công

nhận quyền sử dụng đất trừ các trường hợp đã ủy quyền cho Chủ tịch UBND tỉnh tại mục III Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này

1. Quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, quyết định điều chỉnh đối với trường hợp quy định tại các khoản 1, 4 Điều 123 Luật Đất đai mà miễn toàn bộ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất cho cả thời hạn thuê theo quy định của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất tại Điều 18, Điều 39 Nghị định số 103/2024/NĐ-CP;

2. Quyết định giao đất không thu tiền sử dụng đất theo quy định tại Điều 118 Luật đất đai, Quyết định cho thuê đất thu tiền thuê đất hằng năm theo quy định tại khoản 3 Điều 120 Luật Đất đai;

3. Quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, quyết định điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất đối với cá nhân, cộng đồng dân cư thuộc trường hợp quy định tại các khoản 2, 4 Điều 123 Luật Đất đai;

4. Quyết định giao đất nông nghiệp cho cá nhân quy định tại điểm b khoản 2 Điều 178 Luật Đất đai;

5. Công nhận quyền sử dụng đất đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền giao đất, cho thuê đất đã phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã theo quy định tại các khoản 1, 2, 3 mục này;

6. Quyết định gia hạn sử dụng đất đối với trường hợp thuộc thẩm quyền giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đã phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 5 mục này;

7. Quyết định hình thức sử dụng đất theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 142 Luật Đất đai, chuyển hình thức sử dụng đất với trường hợp thuộc thẩm quyền giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đã phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 5 mục này;

8. Phê duyệt phương án bố trí lại diện tích đất ở thành khu dân cư đối với trường hợp quy định tại điểm d khoản 2 Điều 142 Luật Đất đai.

IV. Nhiệm vụ chấp thuận về việc thỏa thuận nhận quyền sử dụng đất để thực hiện dự án

Chấp thuận bằng văn bản về việc thỏa thuận về nhận quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đối với trường hợp quy định tại điểm c khoản 3 Điều 127 Luật Đất đai đối với trường hợp thuộc thẩm quyền giao đất, cho thuê đất đã phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã theo quy định tại các khoản 1, 2, 3 mục III Phụ lục này.

V. Nhiệm vụ liên quan đến chấp thuận, phê duyệt phương án sử dụng đất

1. Chấp thuận phương án sử dụng đất nông nghiệp của tổ chức kinh tế quy định tại khoản 6 Điều 45 Luật Đất đai; phê duyệt phương án sử dụng đất lúa của cá nhân quy định tại khoản 7 Điều 45 Luật Đất đai;

2. Chấp thuận về phương án sử dụng đất nông nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 78 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP;

3. Chấp thuận phương án sử dụng đất kết hợp quy định tại khoản 4 Điều 218 Luật Đất đai thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 49/2026/NĐ-CP đối với trường hợp thuộc thẩm quyền giao đất, cho thuê đất đã phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã theo quy định tại các khoản 1, 2, 3 mục III Phụ lục này.

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 28/2026/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 30 tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành tiêu chí đánh giá, xếp loại chất lượng đối với các cơ quan hành chính nhà nước thuộc phạm vi quản lý của UBND tỉnh Sơn La

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức số 80/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 335/2025/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định về đánh giá, xếp loại chất lượng đối với cơ quan hành chính nhà nước và công chức;

Căn cứ Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và UBND xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 370/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ;

UBND tỉnh ban hành Quyết định ban hành tiêu chí đánh giá, xếp loại chất lượng đối với các cơ quan hành chính nhà nước thuộc phạm vi quản lý của UBND tỉnh Sơn La.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này ban hành tiêu chí đánh giá, xếp loại chất lượng đối với các cơ quan hành chính nhà nước thuộc phạm vi quản lý của UBND tỉnh Sơn La theo quy định tại khoản 2 Điều 7, điểm a khoản 1 Điều 26 Nghị định số 335/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về đánh giá, xếp loại chất lượng đối với cơ quan hành chính nhà nước và công chức.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan chuyên môn và tổ chức hành chính khác thuộc UBND tỉnh;
2. Phòng và tương đương thuộc cơ quan chuyên môn và tổ chức hành chính khác thuộc UBND tỉnh;
3. Ủy ban nhân dân cấp xã;
4. Cơ quan chuyên môn và tổ chức hành chính khác thuộc UBND cấp xã.

Điều 3. Tiêu chí đánh giá, xếp loại chất lượng

Tiêu chí đánh giá, xếp loại chất lượng đối với các cơ quan hành chính nhà nước thuộc phạm vi quản lý của UBND tỉnh Sơn La được thực hiện theo quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nội vụ
 - a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan giúp UBND tỉnh hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc tổ chức thực hiện Quyết định này.
 - b) Theo dõi, rà soát, tổng hợp khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện để báo cáo UBND tỉnh kịp thời sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.
2. Người đứng đầu cơ quan chuyên môn và tổ chức hành chính khác thuộc UBND cấp tỉnh; Chủ tịch UBND cấp xã tổ chức việc tự đánh giá và đề xuất mức xếp loại chất lượng của tổ chức mình, trình Chủ tịch UBND tỉnh công nhận kết quả đánh giá, xếp loại (qua Sở Nội vụ). Chịu trách nhiệm cung cấp đầy đủ hồ sơ, tài liệu phục vụ đánh giá và tính chính xác của số liệu báo cáo liên quan theo quy định.
3. Trưởng các phòng và tương đương thuộc cơ quan chuyên môn và tổ chức hành chính khác thuộc UBND tỉnh tổ chức việc tự đánh giá và đề xuất mức xếp loại chất lượng của tổ chức mình, trình người đứng đầu cơ quan chuyên môn và tổ chức hành chính khác thuộc UBND cấp tỉnh công nhận kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng thuộc phạm vi quản lý.
4. Trưởng các cơ quan chuyên môn và tổ chức hành chính khác thuộc UBND cấp xã tổ chức việc tự đánh giá và đề xuất mức xếp loại chất lượng của tổ chức mình, trình Chủ tịch UBND cấp xã công nhận kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng thuộc phạm vi quản lý.
5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Thủ trưởng các cơ quan hành chính nhà nước thuộc phạm vi quản lý của UBND tỉnh và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 11 tháng 7 năm 2026.
2. Bãi bỏ Quyết định số 2713/QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2025 của UBND tỉnh ban hành Quy định về đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ

đối với các sở, ban, ngành; các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh; UBND các xã, phường trên địa bàn tỉnh Sơn La.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đình Việt

Phụ lục
TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI CHẤT LƯỢNG ĐỐI VỚI
CÁC CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC THUỘC PHẠM VI
QUẢN LÝ CỦA UBND TỈNH SƠN LA
(Kèm theo Quyết định số 28/2026/QĐ-UBND ngày 30/6/2026 của UBND tỉnh)

STT	Tiêu chí	Điểm chuẩn
I	CÁC TIÊU CHÍ CHUNG	30
1	Chấp hành nghiêm đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; thực hiện sự chỉ đạo, điều hành của cấp trên; khả năng xây dựng và tổ chức thực hiện chiến lược, kế hoạch phát triển của đơn vị gắn với mục tiêu quốc gia, ngành, địa phương; năng lực nhận diện, dự báo xu hướng phát triển, chủ động thích ứng với thay đổi môi trường.	5
2	Hiệu quả trong việc quản lý, sử dụng công chức theo vị trí việc làm; xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, hiện đại, minh bạch, tạo điều kiện cho công chức phát huy năng lực; hiệu quả phối hợp công tác và xây dựng đoàn kết nội bộ; mức độ chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính và tinh thần phục vụ của công chức.	12
3	Kết quả thực hiện các giải pháp cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động nội bộ và cung cấp dịch vụ công; mức độ thường xuyên rà soát, cải tiến các quy chế làm việc, quy trình nội bộ, đảm bảo hoạt động hiệu năng, hiệu lực; việc xây dựng và tổ chức thực hiện các biện pháp khắc phục những tồn tại, hạn chế về tổ chức, quản lý, quy trình nội bộ đã được chỉ ra qua đánh giá, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán (nếu có).	13
II	CÁC TIÊU CHÍ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ	70
1	Kết quả thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước thành chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, Đề án, văn bản quy phạm pháp luật	9
1.1	Việc thể chế hóa các Nghị quyết, Quyết định về phát triển kinh tế - xã hội hằng năm bảo đảm theo đúng chỉ đạo của UBND tỉnh.	3
1.2	Hoàn thành tham mưu ban hành các quy hoạch, kế hoạch, đề án thuộc lĩnh vực quản lý ngành theo chương trình, kế hoạch được giao, bảo đảm chất lượng và tiến độ; tỷ lệ hồ sơ trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt đúng thời hạn đạt 100%.	3

STT	Tiêu chí	Điểm chuẩn
1.3	Tham mưu xây dựng văn bản quy phạm pháp luật khi được cấp có thẩm quyền giao thuộc lĩnh vực tham mưu, phụ trách đảm bảo chất lượng, tuân thủ trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật.	3
2	Tỷ lệ hoàn thành các nhiệm vụ trong chương trình, kế hoạch công tác của năm và các nhiệm vụ phát sinh	5
2.1	Hoàn thành các nhiệm vụ trong chương trình, kế hoạch công tác năm tại cơ quan, tổ chức theo thẩm quyền được giao.	3
2.2	Hoàn thành các nhiệm vụ phát sinh, đột xuất được cấp có thẩm quyền giao.	2
3	Kết quả hoạt động quản lý, điều hành của tổ chức; tháo gỡ điểm nghẽn thể chế (nếu có); không để xảy ra sai phạm trong ban hành chính sách, văn bản	24
3.1	Ban hành kịp thời các văn bản để chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện.	8
3.2	Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp (qua kết quả Chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (Chỉ số SIPAS)). Điểm đánh giá được tính theo công thức (số điểm đạt được x 5):100.	5
3.3	Công tác quản lý, sử dụng tài sản công hiệu quả, đúng mục đích, đúng quy định.	3
3.4	Thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước (NSNN) tại cơ quan, tổ chức đảm bảo chỉ tiêu kế hoạch đề ra.	4
3.5	Tham mưu các văn bản nhằm tháo gỡ điểm nghẽn thể chế (như: ban hành Công văn, hướng dẫn hoặc văn bản quy phạm pháp luật thay thế, sửa đổi, bổ sung, nếu có).	2
3.6	Kết quả rà soát các văn bản quy phạm pháp luật đáp ứng yêu cầu về nội dung và thời gian theo quy định.	2
4	Kết quả phối hợp với các cơ quan liên quan, điều phối chính sách liên ngành, liên vùng; có sáng kiến, mô hình điều phối được ghi nhận (nếu có)	5
4.1	Công tác phối hợp thực hiện nhiệm vụ điều phối chính sách liên ngành, liên vùng với các cơ quan liên quan triển khai có hiệu quả, không để xảy ra chồng chéo, ách tắc công việc.	2
4.2	Sáng kiến, giải pháp mới trong phối hợp với các cơ quan liên quan về mô hình điều phối được ghi nhận (nếu có).	3

STT	Tiêu chí	Điểm chuẩn
5	Kết quả thực hiện chuyển đổi số, đơn giản hóa thủ tục hành chính, giảm thời gian, chi phí cho người dân, doanh nghiệp; có sáng kiến cụ thể áp dụng hiệu quả (nếu có)	12
5.1	Kết quả đánh giá xếp hạng mức độ chuyển đổi số của cơ quan, tổ chức (qua kết quả của Bộ chỉ số đánh giá chuyển đổi số của các cơ quan nhà nước). Điểm đánh giá được tính theo công thức (số điểm đạt được x 6):100.	6
5.2	Triển khai thực hiện hiệu quả việc cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính và điều kiện kinh doanh	3
5.3	Sáng kiến, giải pháp mới về cắt giảm thủ tục hành chính, thời gian, chi phí được áp dụng nhằm đơn giản hóa thủ tục hành chính (nếu có).	3
6	Kết quả thực hiện chính sách, chương trình khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo tác động rõ rệt đến hiệu quả hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị	5
6.1	Phổ biến, quán triệt chính sách và ban hành kế hoạch thực hiện hoạt động khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo hàng năm.	2
6.2	Kết quả thực hiện kế hoạch hoạt động khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo hàng năm.	2
6.3	Có đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học - công nghệ phù hợp với ngành, địa phương và được phê duyệt.	1
7	Kết quả giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính; tỷ lệ xử lý hồ sơ trực tuyến (nếu có)	4
-	Qua kết quả đánh giá của Bộ chỉ số phục vụ người dân và doanh nghiệp. Điểm đánh giá được tính theo công thức (số điểm đạt được x 4):100.	4
8	Kết quả giải quyết đơn thư, khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp (nếu có)	6
8.1	Thực hiện đúng quy trình tiếp nhận, phân loại, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh theo quy định.	2
8.2	Giải quyết kịp thời, đúng pháp luật các vụ việc khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh thuộc thẩm quyền hoặc được cấp có thẩm quyền giao.	4

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1548/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 25 tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn
và cơ cấu tổ chức của Sở Nội vụ tỉnh Sơn La

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Nghị định số 370/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và UBND xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Nghị định số 128/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong quản lý nhà nước lĩnh vực nội vụ;

Căn cứ Nghị định số 129/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Thông tư số 10/2025/TT-BNV ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Nội vụ thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và lĩnh vực nội vụ của phòng chuyên môn thuộc UBND xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Thông tư số 06/2026/TT-BNV ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2025/TT-BNV ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Nội vụ thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và lĩnh vực nội vụ của phòng chuyên môn thuộc UBND xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Kết luận số 21-KL/TU ngày 30 tháng 10 năm 2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc sắp xếp tổ chức bên trong các cơ quan hành chính, các đơn vị sự nghiệp trên địa bàn tỉnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 528/TTr-SNV ngày 18 tháng 5 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nội vụ tỉnh Sơn La kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đình Việt

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nội vụ tỉnh Sơn La

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1548/QĐ-UBND ngày 25/6/2026 của UBND tỉnh)

Điều 1. Vị trí, chức năng của Sở Nội vụ

1. Sở Nội vụ là cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thực hiện chức năng tham mưu, giúp UBND tỉnh quản lý nhà nước về: Tổ chức hành chính, sự nghiệp nhà nước; chính quyền địa phương, địa giới đơn vị hành chính; cán bộ, công chức, viên chức và công vụ; cải cách hành chính; hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện, tổ chức phi chính phủ; thi đua, khen thưởng; văn thư, lưu trữ nhà nước; thanh niên; lao động, tiền lương; việc làm; bảo hiểm xã hội; an toàn, vệ sinh lao động; người có công; bình đẳng giới và theo phân công, phân cấp hoặc ủy quyền của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh theo quy định của pháp luật.

2. Sở Nội vụ có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng theo quy định của pháp luật; chấp hành sự chỉ đạo, quản lý của UBND tỉnh; đồng thời chấp hành sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn nghiệp vụ của Bộ Nội vụ.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Sở Nội vụ

1. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh, dự thảo Quyết định của UBND tỉnh liên quan đến ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Sở Nội vụ và các văn bản khác theo phân công của UBND tỉnh theo quy định của pháp luật;

b) Dự thảo kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực; chương trình, biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về ngành, lĩnh vực trên địa bàn tỉnh thuộc phạm vi quản lý của Sở Nội vụ;

c) Dự thảo Quyết định việc phân cấp, ủy quyền nhiệm vụ quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực cho Sở Nội vụ, các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc UBND tỉnh, UBND xã, phường (*sau đây gọi chung là cấp xã*), Chủ tịch UBND cấp xã; phân cấp, ủy quyền cho đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý thực hiện liên tục, thường xuyên một hoặc một số nhiệm vụ mà UBND tỉnh được giao theo quy định của pháp luật;

d) Dự thảo Quyết định quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nội vụ;

đ) Dự thảo Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Nội vụ (*trừ trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định khác*);

e) Dự thảo Quyết định thực hiện xã hội hóa các hoạt động cung ứng dịch vụ sự nghiệp công theo ngành, lĩnh vực thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh và theo phân cấp của cơ quan có thẩm quyền.

2. Trình Chủ tịch UBND tỉnh dự thảo các văn bản thuộc thẩm quyền ban hành của Chủ tịch UBND tỉnh theo phân công.

3. Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch, đề án, dự án, chương trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; thông tin, tuyên truyền, hướng dẫn, phổ biến, giáo dục, theo dõi thi hành pháp luật về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước được giao của Sở Nội vụ.

4. Về tổ chức bộ máy

a) Tham mưu, giúp UBND tỉnh

Trình HĐND tỉnh quyết định việc thành lập, tổ chức lại, thay đổi tên gọi, giải thể cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc UBND tỉnh theo quy định của pháp luật;

Hướng dẫn cụ thể về trình tự, thủ tục thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh;

Chủ trì, hướng dẫn UBND cấp xã quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn về lĩnh vực nội vụ của Phòng Văn hóa - Xã hội thuộc UBND cấp xã;

Chỉ đạo các cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện quản lý nhà nước đối với các đơn vị sự nghiệp ngoài công lập trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

b) Thẩm định đối với các dự thảo văn bản

Quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quyết định của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh; bảo đảm việc thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về lĩnh vực nội vụ trong chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan hành chính trên địa bàn tỉnh, xã;

Thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập và Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quyết định của UBND tỉnh (*trừ trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định khác*);

Thành lập, kiện toàn, sáp nhập, giải thể tổ chức phối hợp liên ngành thuộc thẩm quyền quyết định của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh theo quy định của pháp luật.

c) Thẩm định, hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện phân loại, xếp hạng đơn vị sự nghiệp công lập của địa phương theo quy định của pháp luật và quy định của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh.

5. Về vị trí việc làm, biên chế công chức

a) Tham mưu, giúp UBND tỉnh quyết định, quản lý vị trí việc làm và biên chế công chức theo phân công, phân cấp và theo quy định của Đảng, quy định của pháp luật;

b) Tham mưu, giúp UBND tỉnh

Thẩm định, tổng hợp và lập kế hoạch biên chế công chức hằng năm hoặc theo giai đoạn; điều chỉnh biên chế công chức của các cơ quan, tổ chức của UBND, UBND tỉnh, cấp xã gửi Bộ Nội vụ theo quy định của pháp luật;

Trình HĐND tỉnh quyết định biên chế công chức của cơ quan, tổ chức của HĐND, UBND tỉnh, cấp xã trong tổng số biên chế công chức được cấp có thẩm quyền giao; giúp UBND tỉnh triển khai thực hiện sau khi được HĐND tỉnh quyết định; trình HĐND tỉnh số lượng ký hợp đồng lao động làm chuyên môn nghiệp vụ tại các đơn vị sự nghiệp trên địa bàn theo quy định;

c) Tổng hợp, điều chỉnh vị trí việc làm và tỷ lệ công chức bố trí theo vị trí việc làm của Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh, cơ quan chuyên môn, cơ quan, tổ chức hành chính thuộc UBND tỉnh; cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính thuộc UBND xã (*trường hợp UBND tỉnh không phân cấp, ủy quyền*).

6. Về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập

a) Thẩm định đề án vị trí việc làm, đề án điều chỉnh vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên thuộc phạm vi quản lý của UBND tỉnh; trình UBND tỉnh phê duyệt vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của các đơn vị sự nghiệp công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên thuộc phạm vi quản lý;

b) Tham mưu, giúp UBND tỉnh

Thẩm định số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước và số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp (nếu có) của các đơn vị sự nghiệp công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên thuộc phạm vi quản lý của UBND tỉnh; tổng hợp, trình UBND tỉnh kế hoạch số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên của địa phương gửi Bộ Nội vụ thẩm định;

Trình HĐND tỉnh phê duyệt số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên thuộc phạm vi quản lý trong tổng số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước đã được Bộ Nội vụ thẩm định;

Quyết định giao, điều chỉnh số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước đối với từng đơn vị sự nghiệp công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên thuộc phạm vi quản lý trong tổng số lượng người làm việc được HĐND tỉnh phê duyệt theo quy định;

Quyết định về số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp đối với từng đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật;

Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư thuộc phạm vi quản lý; số lượng người ký hợp đồng lao động làm chuyên môn, nghiệp vụ tại các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn;

Chỉ đạo các cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện cơ chế tự chủ về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, vị trí việc làm, số lượng người làm việc đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

c) Tổng hợp vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập theo mức độ tự chủ tài chính (*do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên; bảo đảm một phần chi thường xuyên; tự bảo đảm chi thường xuyên; tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư*) thuộc phạm vi quản lý của địa phương, trình UBND tỉnh báo cáo Bộ Nội vụ theo quy định của pháp luật.

7. Về thực hiện chế độ, chính sách tiền lương, phụ cấp và tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng trong cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập:

a) Quyết định theo phân cấp hoặc trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định việc nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn và các chế độ, chính sách về tiền lương, phụ cấp, tiền thưởng và các chế độ chính sách khác theo quy định đối với cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng theo quy định của pháp luật và theo quy định của UBND tỉnh;

b) Hướng dẫn, kiểm tra, giải quyết theo thẩm quyền hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền giải quyết vướng mắc trong việc thực hiện chế độ, chính sách tiền lương, phụ cấp và tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng trong cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập của địa phương theo quy định của pháp luật và theo quy định của UBND tỉnh.

8. Về cải cách hành chính

a) Tham mưu, trình UBND tỉnh quyết định phân công các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh chủ trì hoặc phối hợp thực hiện các nội dung, nhiệm vụ của công tác cải cách hành chính;

b) Tham mưu, trình UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh

Chỉ đạo, ban hành, triển khai chương trình, kế hoạch và các văn bản khác của cơ quan cấp trên về cải cách hành chính;

Quyết định các biện pháp đẩy mạnh cải cách hành chính theo chương trình, đề án, kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

c) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh

Triển khai xác định, chấm điểm chỉ số cải cách hành chính; đo lường sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước hằng năm trên địa bàn tỉnh theo quy định, hướng dẫn của Bộ Nội vụ ban hành theo yêu cầu của cải cách hành chính nhà nước từng giai đoạn;

Theo dõi, kiểm tra, đánh giá, tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ về cải cách hành chính của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của UBND tỉnh;

d) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc tổ chức triển khai công tác cải cách hành chính của địa phương trên 6 lĩnh vực: Cải cách thể chế; cải cách thủ tục hành chính; cải cách tổ chức bộ máy; cải cách chế độ công vụ; cải cách tài chính công; xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số.

9. Về chính quyền địa phương

a) Tham mưu, giúp Thường trực HĐND, UBND tỉnh triển khai công tác bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND các cấp trên địa bàn theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của cơ quan cấp trên;

b) Tham mưu, giúp Chủ tịch HĐND, Chủ tịch UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các Ủy viên UBND tỉnh theo quy định của pháp luật;

c) Hoàn thiện hồ sơ trình UBND tỉnh báo cáo Thường trực HĐND tỉnh đề nghị Bộ Nội vụ thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định phê chuẩn kết quả bầu Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh; giao quyền Chủ tịch UBND tỉnh theo quy định của pháp luật;

d) Thẩm định, trình Chủ tịch UBND tỉnh phê chuẩn kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND cấp xã; điều động, cách chức Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND cấp xã; giao quyền Chủ tịch UBND cấp xã theo quy định của pháp luật;

đ) Tham mưu, giúp Chủ tịch UBND tỉnh quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, cách chức người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh; quyết định tạm đình chỉ công tác đối với Phó Chủ tịch UBND tỉnh, người đứng đầu cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh và Chủ tịch UBND cấp xã theo quy định của pháp luật và phân cấp quản lý cán bộ;

e) Tham mưu, giúp UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh hướng dẫn, kiểm tra tổ chức, hoạt động của UBND cấp xã; tham mưu, giúp UBND tỉnh quyết định số lượng Phó Chủ tịch UBND cấp xã theo khung số lượng do Chính phủ quy định;

g) Tham mưu, giúp UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh thực hiện quản lý nhà nước đối với thôn, tổ dân phố theo quy định của pháp luật.

10. Về địa giới đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính

Tham mưu, giúp UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh:

a) Thực hiện công tác quản lý địa giới đơn vị hành chính, hồ sơ, mốc, bản đồ địa giới đơn vị hành chính các cấp trên địa bàn theo quy định của pháp luật và theo hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

b) Lập hồ sơ đề án, trình UBND tỉnh để trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, hoàn thiện hồ sơ, văn bản gửi Bộ Nội vụ để tổ chức thẩm định, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định về đề án thành lập, giải thể, nhập, chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới, đổi tên đơn vị hành chính và giải quyết trường hợp chưa thống nhất về địa giới đơn vị hành chính tỉnh, cấp xã; phường, đặc khu loại đặc biệt; phân loại đơn vị hành chính tỉnh;

c) Thẩm định, trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định công nhận xã đảo, xã an toàn khu; phân loại đơn vị hành chính cấp xã;

d) Triển khai thực hiện các đề án, văn bản liên quan đến địa giới đơn vị hành chính, hồ sơ, mốc, bản đồ địa giới đơn vị hành chính sau khi được cấp có thẩm quyền quyết định.

11. Về cán bộ, công chức, viên chức và người hoạt động không chuyên trách

a) Tham mưu, giúp UBND tỉnh thực hiện việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý đối với cán bộ, công chức, viên chức, trừ trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định khác; việc quản lý đối với người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh; người hoạt động không chuyên trách theo quy định của Đảng, của pháp luật và quy định của HĐND, UBND tỉnh;

b) Tham mưu, trình UBND tỉnh quy định về tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo, quản lý thuộc phạm vi quản lý của UBND tỉnh theo quy định của pháp luật và phân cấp của cơ quan Đảng có thẩm quyền;

c) Các nội dung khác liên quan đến cán bộ, công chức, viên chức và người hoạt động không chuyên trách thực hiện theo quy định của pháp luật và cấp có thẩm quyền.

12. Về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức:

a) Tham mưu, trình Ủy ban nhân dân tỉnh:

Ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý và tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch sau khi được UBND tỉnh phê duyệt;

Thực hiện đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và các đối tượng khác theo quy định của Đảng, của pháp luật và theo quy định của UBND tỉnh;

b) Thực hiện bồi dưỡng, tập huấn theo yêu cầu vị trí việc làm trong ngành, lĩnh vực được giao quản lý đối với công chức, viên chức và người làm công tác ở ngành, lĩnh vực đó;

c) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan trình UBND tỉnh quyết định việc bố trí, phân bổ kinh phí đối với hoạt động đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của địa phương theo quy định của pháp luật;

d) Tổng hợp kết quả đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức gửi Bộ Nội vụ và cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

13. Về tổ chức hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện, tổ chức Phi Chính phủ

a) Tham mưu giúp UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện, tổ chức Phi Chính phủ theo quy định của pháp luật về hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện, tổ chức Phi Chính phủ và quy định pháp luật có liên quan;

b) Tham mưu về hoạt động chữ thập đỏ ở địa phương theo quy định của pháp luật.

14. Về văn thư, lưu trữ nhà nước

a) Tham mưu UBND tỉnh quản lý tài liệu lưu trữ tại lưu trữ lịch sử của Nhà nước ở tỉnh và cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ theo thẩm quyền;

b) Tham mưu UBND tỉnh thiết lập Kho lưu trữ số để quản lý cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ và tài liệu lưu trữ số thuộc thẩm quyền quản lý;

c) Tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ của địa phương và cập nhật cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ Phòng lưu trữ Nhà nước Việt Nam theo thẩm quyền;

d) Tham mưu, trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định cơ quan, tổ chức khác của Nhà nước nộp hồ sơ, tài liệu vào lưu trữ lịch sử của Nhà nước ở tỉnh theo quy định của pháp luật;

đ) Tham mưu, trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định việc mang tài liệu lưu trữ tại lưu trữ lịch sử của Nhà nước ở tỉnh ra nước ngoài;

e) Tham mưu, trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định phê duyệt danh mục tài liệu lưu trữ tiếp cận có điều kiện và hủy tài liệu lưu trữ tại lưu trữ lịch sử của Nhà nước ở tỉnh;

g) Tham mưu, trình Chủ tịch UBND tỉnh công nhận, hủy bỏ việc công nhận tài liệu lưu trữ có giá trị đặc biệt đối với tài liệu lưu trữ tư và tài liệu lưu trữ của cơ quan, tổ chức thuộc địa bàn quản lý;

h) Hướng dẫn, kiểm tra về hoạt động dịch vụ lưu trữ theo thẩm quyền quản lý;

i) Chỉ đạo lưu trữ lịch sử của Nhà nước ở tỉnh thực hiện các hoạt động nghiệp vụ lưu trữ theo quy định của pháp luật;

k) Thực hiện công tác thống kê, quản lý, khai thác và công bố dữ liệu thống kê về văn thư; hướng dẫn và tổ chức thực hiện thu thập, tổng hợp, báo cáo số liệu thống kê định kỳ của địa phương về văn thư, lưu trữ.

15. Về thanh niên và bình đẳng giới

a) Tổ chức triển khai thực hiện chính sách, pháp luật, chiến lược, chương trình, kế hoạch, dự án, đề án phát triển thanh niên tại địa phương; bình đẳng giới và công tác cán bộ nữ; Thắt hành động vì bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới;

b) Thực hiện hoặc hướng dẫn lồng ghép các chỉ tiêu, mục tiêu phát triển thanh niên; vấn đề bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới khi xây dựng chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương hằng năm và từng giai đoạn;

c) Chủ trì hoặc phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc giải quyết những vấn đề liên ngành về thanh niên và công tác thanh niên, về bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới;

d) Thực hiện công tác thống kê, quản lý, khai thác và công bố dữ liệu thống kê về thanh niên, chỉ số phát triển thanh niên tại địa phương; hướng dẫn và tổ chức thực hiện thu thập, tổng hợp, báo cáo số liệu thống kê định kỳ của địa phương về bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới, các chỉ tiêu thống kê quốc gia về giới, công tác cán bộ nữ;

đ) Đôn đốc, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện quy định, chính sách, pháp luật đối với thanh niên và công tác thanh niên; bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới trên địa bàn;

e) Hướng dẫn các cơ quan chuyên môn của UBND tỉnh, UBND cấp xã và các cơ quan liên quan trên địa bàn thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về thanh niên và bình đẳng giới theo từng lĩnh vực cụ thể.

16. Về thi đua, khen thưởng

a) Tham mưu, trình Chủ tịch UBND tỉnh ban hành kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác tuyên truyền tư tưởng thi đua yêu nước của Chủ tịch Hồ Chí Minh, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về thi đua, khen thưởng; tuyên truyền, nhân rộng điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt, lựa chọn tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu trong phong trào thi đua để biểu dương, tôn vinh, khen thưởng kịp thời;

b) Tham mưu, giúp UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh và Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh ban hành văn bản chỉ đạo, hướng dẫn liên quan đến công tác thi đua, khen thưởng tại địa phương; tổ chức các phong trào thi đua; hướng dẫn, kiểm tra các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương thực hiện các phong trào thi đua và chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về thi đua, khen thưởng;

c) Thẩm định hồ sơ đề nghị khen thưởng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương, trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định khen thưởng theo thẩm quyền hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng theo quy định của pháp luật;

d) Tham mưu, giúp UBND tỉnh tổ chức thực hiện việc trao tặng, đón nhận các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng; quản lý, cấp phát, thu hồi, cấp đổi, cấp lại hiện vật khen thưởng theo quy định của pháp luật;

đ) Xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu về thi đua, khen thưởng; xây dựng, quản lý và sử dụng Quỹ thi đua, khen thưởng theo quy định của pháp luật và theo quy định của UBND tỉnh;

e) Làm nhiệm vụ thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh.

17. Về lĩnh vực việc làm

a) Tham mưu, giúp UBND tỉnh tổ chức xây dựng, phát triển hệ thống thông tin thị trường lao động phục vụ mục tiêu của địa phương; tổng hợp, cung cấp thông tin về thị trường lao động; tổ chức, tuyên truyền, hướng dẫn người lao động thực hiện việc đăng ký, điều chỉnh thông tin đăng ký lao động;

b) Hướng dẫn và thực hiện chính sách hỗ trợ tạo việc làm, chính sách bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật;

c) Hướng dẫn và tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về dịch vụ việc làm tại địa phương;

d) Hướng dẫn và tổ chức thực hiện quy định của pháp luật về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam;

đ) Tham mưu, giúp UBND tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam, lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam thuộc phạm vi quản lý của địa phương theo quy định của pháp luật;

e) Tham mưu, giúp UBND tỉnh triển khai các nhiệm vụ quản lý nhà nước tại địa phương về phát triển kỹ năng nghề theo quy định của pháp luật.

18. Về lĩnh vực người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

Tham mưu, trình UBND tỉnh

a) Nhận và tham mưu, trình UBND tỉnh ban hành văn bản chấp thuận chuẩn bị nguồn lao động cho doanh nghiệp dịch vụ theo thẩm quyền quản lý;

b) Nhận thông báo về việc đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài của doanh nghiệp trúng thầu, nhận thầu công trình, dự án ở nước ngoài; nhận báo cáo sau khi doanh nghiệp hoàn thành hợp đồng trúng thầu, nhận thầu ở nước ngoài; yêu cầu doanh nghiệp trúng thầu, nhận thầu công trình, dự án ở nước ngoài báo cáo đột xuất theo quy định;

c) Nhận thông báo về việc đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài của tổ chức, cá nhân Việt Nam đầu tư ra nước ngoài theo quy định của pháp luật; nhận báo cáo định kỳ hàng năm của tổ chức, cá nhân đầu tư ra nước ngoài đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài; yêu cầu tổ chức, cá nhân

đầu tư ra nước ngoài đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài báo cáo đột xuất theo quy định;

d) Nhận và tham mưu, trình UBND tỉnh ban hành văn bản chấp thuận đăng ký hợp đồng nhận lao động thực tập cho doanh nghiệp đưa người lao động Việt Nam đi đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề ở nước ngoài theo thẩm quyền quản lý; nhận báo cáo định kỳ hằng năm của doanh nghiệp Việt Nam đưa người lao động Việt Nam đi đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề ở nước ngoài; yêu cầu doanh nghiệp Việt Nam đưa người lao động Việt Nam đi đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề ở nước ngoài báo cáo đột xuất theo quy định;

đ) Nhận thông báo của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng về việc đáp ứng điều kiện đưa người lao động Việt Nam đi làm giúp việc gia đình ở nước ngoài;

e) Nhận và tham mưu, trình UBND tỉnh ban hành văn bản gửi ngân hàng nhận ký quỹ đề nghị trả tiền ký quỹ cho doanh nghiệp đưa người lao động Việt Nam đi đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề ở nước ngoài theo thẩm quyền quản lý;

g) Cung cấp thông tin chính sách, pháp luật về người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng cho người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng lao động trực tiếp giao kết;

h) Cung cấp thông tin về thị trường lao động, nhu cầu tuyển dụng của người sử dụng lao động để người lao động sau khi kết thúc hợp đồng ở nước ngoài về nước lựa chọn việc làm phù hợp với kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm, trình độ nghề nghiệp được tích lũy sau quá trình làm việc ở nước ngoài;

i) Hỗ trợ người lao động sau khi về nước tiếp cận dịch vụ tư vấn tâm lý xã hội tự nguyện nhằm hòa nhập xã hội.

19. Về lĩnh vực lao động, tiền lương

a) Hướng dẫn và tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về hợp đồng lao động, kỷ luật lao động, trách nhiệm vật chất, đối thoại tại nơi làm việc, thương lượng tập thể, thỏa ước lao động tập thể, giải quyết tranh chấp lao động và đình công, chế độ đối với người lao động trong sắp xếp, tổ chức lại, bán, cho thuê, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp, chuyển nhượng quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã; giải thể, phá sản doanh nghiệp; trong sắp xếp, đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước;

b) Hướng dẫn thực hiện các quy định của pháp luật về chế độ tiền lương trong khu vực sản xuất kinh doanh;

c) Hướng dẫn thực hiện các quy định của pháp luật đối với lao động nữ và bảo đảm bình đẳng giới, người lao động cao tuổi, lao động là người khuyết tật, lao động chưa thành niên, lao động là người giúp việc gia đình và một số lao động khác;

d) Hướng dẫn và tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về cho thuê lại lao động tại địa phương;

đ) Hướng dẫn và tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật lao động về việc đăng ký và quản lý nhà nước đối với tổ chức và hoạt động của các tổ chức của người lao động tại doanh nghiệp theo quy định của pháp luật và theo phân công hoặc ủy quyền của UBND tỉnh.

20. Về lĩnh vực bảo hiểm xã hội

a) Hướng dẫn và tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm xã hội tự nguyện và chậm đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, trốn đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc trong phạm vi địa phương theo quy định của pháp luật và theo phân công hoặc ủy quyền của UBND tỉnh;

b) Tham mưu cho UBND tỉnh kiến nghị trong đó đề xuất phương án xử lý (nếu có) với các Bộ, ngành có liên quan giải quyết những vấn đề về bảo hiểm xã hội thuộc thẩm quyền;

c) Tiếp nhận hồ sơ và thực hiện xác định số lao động thuộc diện tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc tạm thời nghỉ việc đối với cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp thuộc UBND tỉnh quản lý xin tạm dừng đóng vào quỹ hưu trí và tử tuất;

d) Phối hợp với cơ quan bảo hiểm xã hội và các cơ quan có liên quan triển khai tổ chức thực hiện tuyên truyền bảo hiểm xã hội trên địa bàn.

21. Về lĩnh vực an toàn, vệ sinh lao động

a) Tham mưu, giúp UBND tỉnh quản lý nhà nước về lĩnh vực an toàn, vệ sinh lao động; thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi;

b) Hướng dẫn và tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động; về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi trong phạm vi địa phương; Thắt hành động về an toàn, vệ sinh lao động;

c) Hướng dẫn và triển khai công tác quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm hàng hóa đặc thù;

d) Tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính về an toàn, vệ sinh lao động, sản phẩm hàng hóa đặc thù được phân cấp;

đ) Hướng dẫn về công tác kiểm định kỹ thuật an toàn lao động;

e) Chủ trì, phối hợp tổ chức điều tra tai nạn lao động chết người, tai nạn lao động làm bị thương nặng từ 02 người lao động trở lên; điều tra lại các vụ tai nạn lao động; phối hợp với ngành y tế điều tra bệnh nghề nghiệp theo đề nghị của cơ quan bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật;

g) Hướng dẫn thực hiện các biện pháp phòng ngừa, chia sẻ rủi ro về tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp trên địa bàn; tổ chức thu thập, lưu trữ thông tin về tình hình tai nạn lao động; công bố, đánh giá về tình hình tai nạn lao động và sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động nghiêm trọng xảy ra tại địa phương;

h) Tiếp nhận tài liệu thông báo việc tổ chức làm thêm từ trên 200 giờ đến 300 giờ trong một năm của doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức, cá nhân có sử dụng lao động trên địa bàn quản lý.

22. Về lĩnh vực người có công

a) Hướng dẫn và tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật đối với người có công với cách mạng và thân nhân của người có công với cách mạng;

b) Tham mưu, tổ chức thực hiện quy hoạch, quản lý hệ thống cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công, công trình ghi công liệt sĩ trên địa bàn;

c) Tham mưu, tổ chức triển khai thực hiện công tác tiếp nhận, an táng hài cốt liệt sĩ và xác định danh tính hài cốt liệt sĩ theo phân công, phân cấp;

d) Quản lý đối tượng, hồ sơ, dữ liệu đối tượng, kinh phí thực hiện các chính sách, chế độ ưu đãi đối với người có công với cách mạng và thân nhân của người có công với cách mạng theo quy định và phân công của cấp có thẩm quyền;

đ) Hướng dẫn và tổ chức các phong trào “Đền ơn đáp nghĩa”; quản lý và sử dụng Quỹ Đền ơn đáp nghĩa cấp tỉnh;

e) Tham mưu, giúp UBND tỉnh hướng dẫn, kiểm tra và báo cáo kết quả dự toán thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng ở địa phương về Bộ Nội vụ.

23. Về công tác dân chủ, dân vận

a) Tham mưu, tổ chức thi hành pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở trên địa bàn;

b) Tham mưu xây dựng và tổ chức thực hiện Nghị quyết của HĐND tỉnh quyết định các biện pháp bảo đảm thực hiện dân chủ ở cơ sở trên địa bàn;

c) Tổng hợp, báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền về tình hình thực hiện dân chủ ở cơ sở trên địa bàn khi được yêu cầu;

d) Tham mưu, triển khai thực hiện công tác dân vận của cơ quan hành chính nhà nước, chính quyền các cấp theo quy định của Đảng, quy định của pháp luật và hướng dẫn của cơ quan cấp trên.

24. Quản lý theo quy định của pháp luật đối với các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân, các hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện và các tổ chức Phi Chính phủ thuộc phạm vi ngành, lĩnh vực.

25. Phối hợp, hướng dẫn thực hiện cơ chế tự chủ đối với đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực quản lý theo quy định của pháp luật; quản lý hoạt động của các đơn vị sự nghiệp trong và ngoài công lập thuộc phạm vi ngành, lĩnh vực.

26. Thực hiện hợp tác quốc tế và hội nhập quốc tế về ngành, lĩnh vực quản lý và theo phân công hoặc ủy quyền của UBND tỉnh.

27. Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ thuộc ngành, lĩnh vực quản lý đối với phòng chuyên môn thuộc UBND cấp xã.

28. Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật và công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; xây dựng hệ thống thông tin, lưu trữ phục vụ công tác quản lý nhà nước và chuyên môn nghiệp vụ; tổ chức vận hành, khai thác cơ sở dữ liệu lĩnh vực nội vụ tại địa phương bảo đảm thống nhất, đồng bộ, kết nối và chia sẻ.

29. Thực hiện công tác thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao thuộc phạm vi quản lý nhà nước với UBND tỉnh và Bộ Nội vụ.

30. Kiểm tra theo ngành, lĩnh vực được phân công phụ trách đối với tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện các quy định của pháp luật; thực hiện nhiệm vụ giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định và phân công của cấp có thẩm quyền; tiếp công dân, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực theo quy định của pháp luật thuộc phạm vi quản lý.

31. Tổ chức thực hiện các dịch vụ công trong lĩnh vực nội vụ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở Nội vụ.

32. Quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Văn phòng và phòng chuyên môn, nghiệp vụ, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Nội vụ; mối quan hệ công tác và trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị thuộc, trực thuộc Sở Nội vụ theo quy định của pháp luật.

33. Quản lý tổ chức bộ máy, biên chế công chức, vị trí việc làm, tỷ lệ công chức cần bổ trí theo từng vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc, trực thuộc Sở Nội vụ; thực hiện chế độ tiền lương và chính sách, chế độ đãi ngộ, đào tạo, bồi dưỡng, khen thưởng, kỷ luật đối với công chức, viên chức và người lao động thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật.

34. Quản lý và chịu trách nhiệm về tài chính, tài sản được giao theo quy định của pháp luật và theo quy định của UBND tỉnh.

35. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn trong phạm vi được phân định thẩm quyền, phân quyền, phân cấp, ủy quyền theo quy định của pháp luật và các quy định khác của cấp có thẩm quyền.

Điều 3. Cơ cấu tổ chức của Sở Nội vụ

1. Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Sở Nội vụ:

- a) Phòng Xây dựng chính quyền;
- b) Phòng Tổ chức cán bộ;
- c) Phòng Cải cách hành chính;
- d) Phòng Thi đua, khen thưởng;
- đ) Phòng Người có công và lao động, việc làm;
- e) Phòng Kế hoạch - Tài chính;

g) Văn phòng Sở.

2. Đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Nội vụ:

Trung tâm Lưu trữ, việc làm, người có công./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số 1563/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 28 tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc kết thúc hoạt động của Văn phòng Điều phối Chương trình
mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Sơn La**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 822/QĐ-TTg ngày 11 tháng 5 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Chỉ đạo Trung ương Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế, xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030;

Căn cứ Quyết định số 866/QĐ-UBND ngày 03 tháng 4 năm 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La về việc thành lập Ban Chỉ đạo Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Sơn La giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I từ năm 2026 đến năm 2030;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 678/TTr-SNNMT ngày 18 tháng 6 năm 2026; Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 561/TTr-SNV ngày 26 tháng 6 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Kết thúc hoạt động của Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới tỉnh Sơn La, kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

Điều 2. Kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành, các Quyết định sau đây hết hiệu lực thi hành:

Quyết định số 1044/QĐ-UBND ngày 05 tháng 5 năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc kiện toàn Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Sơn La; Quyết định số 2805/QĐ-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc bổ nhiệm chức danh kiêm nhiệm Chánh Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh Sơn La; Quyết định số 2806/QĐ-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc bổ nhiệm chức danh kiêm nhiệm Phó Chánh Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh Sơn La hết hiệu lực thi hành.

Điều 3: Nhiệm vụ tham mưu, giúp việc Ban Chỉ đạo Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Sơn La giai đoạn 2026 - 2035;

giai đoạn I từ năm 2026 đến năm 2030 giao Sở Nông nghiệp và Môi trường phân công Chi cục Phát triển nông thôn trực tiếp tham mưu.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Nội vụ, Nông nghiệp và Môi trường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Đình Việt

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1593/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 30 tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch Triển khai thực hiện Đề án phát triển
du lịch cộng đồng trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2026 - 2030**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 3222/QĐ-BVHTTDL ngày 30 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc phê duyệt Đề án Phát triển du lịch cộng đồng tại Việt Nam;

Căn cứ Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển du lịch giai đoạn 2025 - 2030;

Căn cứ Quyết định số 954/QĐ-UBND ngày 17 tháng 4 năm 2026 của UBND tỉnh Sơn La về việc Ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển du lịch giai đoạn 2025 - 2030;

Theo đề nghị của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Tờ trình số 196/TTr-SVHTT&DL ngày 23 tháng 6 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án phát triển du lịch cộng đồng trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2026 - 2030.

Điều 2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Giám đốc các sở, ban, ngành; Thủ trưởng các đơn vị liên quan; Chủ tịch UBND các xã, phường trên địa bàn tỉnh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hà Trung Chiến

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH
Triển khai thực hiện Đề án phát triển du lịch cộng đồng
trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2026 - 2030

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Cụ thể hóa các nội dung quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ tại Quyết định số 3222/QĐ-BVHTTDL ngày 30 tháng 10 năm 2024 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc phê duyệt Đề án phát triển du lịch cộng đồng tại Việt Nam, đảm bảo phù hợp với định hướng phát triển du lịch theo Quyết định số 1676/QĐ-TTg ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về Quy hoạch tỉnh Sơn La thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (*được điều chỉnh tại Quyết định 586/QĐ-UBND ngày 27 tháng 02 năm 2026 của UBND tỉnh Sơn La về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Sơn La thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050*) và Quyết định số 509/QĐ-TTg ngày 13 tháng 6 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch hệ thống du lịch thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (*được điều chỉnh tại Quyết định số 374/QĐ-BVHTTDL ngày 28 tháng 02 năm 2026 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch hệ thống du lịch thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045*).

Phát huy các giá trị tài nguyên thiên nhiên, tài nguyên văn hóa của tỉnh; bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc, cảnh quan, môi trường, bảo vệ môi trường sinh thái; bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Phát triển du lịch cộng đồng bền vững, góp phần giúp nhân dân xóa đói, giảm nghèo, phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

2. Yêu cầu

Các nhiệm vụ, giải pháp trong kế hoạch phải có trọng tâm, trọng điểm thực hiện theo lộ trình, đảm bảo tính khả thi, thiết thực, có hiệu quả.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

- Thống nhất nhận thức, quan điểm và cơ bản định vị được thương hiệu du lịch cộng đồng tỉnh Sơn La; gắn phát triển du lịch cộng đồng với hoạt động phát triển các ngành công nghiệp văn hóa, xây dựng nông thôn mới, tham gia sâu rộng vào chuỗi sản phẩm, dịch vụ văn hóa toàn cầu, nâng cao đời sống người dân, góp phần đẩy mạnh phong trào xây dựng kinh tế nông thôn.

- Phát triển du lịch cộng đồng gắn với thúc đẩy tiến bộ, công bằng xã hội, góp phần thực hiện mục tiêu xóa đói, giảm nghèo; bảo đảm, hỗ trợ được khả năng

tiếp cận các nguồn lực, dịch vụ công cho cộng đồng nông thôn, đặc biệt là vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, ưu tiên các dân tộc thiểu số, ít người.

- Phát triển sản phẩm du lịch cộng đồng trở thành một sản phẩm hoàn chỉnh, chủ đạo trong hệ thống sản phẩm du lịch; nâng cao chất lượng dịch vụ du lịch cộng đồng gắn với triển khai thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026 - 2030, đảm bảo mục tiêu bảo tồn, đa dạng hóa ngành nghề cho cộng đồng dân cư tại chỗ, cải thiện sinh kế cho người dân, tiến tới phát triển du lịch bền vững.

2. Mục tiêu cụ thể

*** Đến năm 2028:**

- Tại các điểm du lịch cộng đồng được công nhận, cơ bản các giá trị, bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc được bảo tồn và phát huy; 40% điểm du lịch cộng đồng được công nhận có nhà sinh hoạt cộng đồng; 100% điểm du lịch cộng đồng có đội văn hóa, văn nghệ (câu lạc bộ) truyền thống hoạt động thường xuyên, hiệu quả.

- Có ít nhất 50% chủ cơ sở dịch vụ du lịch tại các điểm du lịch cộng đồng được đào tạo, tập huấn về nghiệp vụ quản lý du lịch; có 50% lao động du lịch cộng đồng được bồi dưỡng, tập huấn và nâng cao nghiệp vụ, kỹ năng phục vụ khách du lịch, trong đó có ít nhất 20% là lao động nữ; mỗi điểm du lịch cộng đồng có ít nhất 01 nhân viên sử dụng thành thạo ngoại ngữ.

- Mỗi năm tổ chức 01 lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ liên quan đến du lịch cộng đồng, kỹ năng tiếp đón phục vụ khách du lịch; kỹ năng thuyết minh giới thiệu về sản phẩm du lịch, điểm du lịch; kỹ năng giao tiếp ứng xử văn minh du lịch; truyền dạy văn hóa phi vật thể, sưu tầm, phục dựng, gìn giữ, bảo tồn nghề truyền thống, phát huy văn hóa phi vật thể, bảo tồn lễ hội tại các điểm du lịch cộng đồng.

- Phân đầu mỗi xã nông thôn mới có tiềm năng du lịch xây dựng ít nhất 01 mô hình chuỗi liên kết du lịch cộng đồng gắn với xây dựng nông thôn mới; phân đầu 10% làng nghề truyền thống có sản phẩm OCOP gắn với phát triển du lịch cộng đồng.

- Phân đầu 100% điểm du lịch cộng đồng được công nhận theo tiêu chuẩn quốc gia về du lịch cộng đồng tại Việt Nam được giới thiệu, quảng bá; 30% điểm du lịch cộng đồng có ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động du lịch.

- Nghiên cứu quy định về xây dựng các tổ chức quản lý hoạt động du lịch cộng đồng hiệu quả tại các điểm du lịch cộng đồng.

- Nghiên cứu, xây dựng các khung định mức về chính sách hỗ trợ cho phát triển du lịch cộng đồng làm cơ sở cho các địa phương áp dụng trên cơ sở nguồn lực của địa phương.

- Nghiên cứu, hỗ trợ đầu tư xây dựng thí điểm một hoặc nhiều mô hình du lịch cộng đồng tại những các địa phương có lợi thế về du lịch làm mô hình thí điểm Làng nghề du lịch cộng đồng.

- Từng bước xây dựng cơ sở dữ liệu và bản đồ số các điểm du lịch cộng đồng được công nhận.

*** Đến năm 2030**

- Phấn đấu đến năm 2030, trên địa bàn tỉnh Sơn La có 10 điểm du lịch cộng đồng được công nhận; có ít nhất 02 điểm du lịch cộng đồng được đánh giá đạt mức loại khá trở lên theo Tiêu chuẩn quốc gia về Du lịch cộng đồng - Yêu cầu về chất lượng dịch vụ (TCVN 13259:2020).

- Cơ bản phát triển đồng bộ sản phẩm du lịch cộng đồng tại các trung tâm du lịch lớn, nơi có lượng khách du lịch tập trung đông.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Tăng cường lồng ghép chính sách đầu tư, hỗ trợ phát triển du lịch cộng đồng; lồng ghép, sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn ngân sách nhà nước

- Triển khai có hiệu quả Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển du lịch giai đoạn 2025 - 2030; Quyết định số 954/QĐ-UBND ngày 17 tháng 4 năm 2026 của UBND tỉnh Sơn La về việc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển du lịch giai đoạn 2025 - 2030. Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình, đề án, dự án phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Sơn La như: Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030; Đề án Phát triển du lịch giai đoạn 2025 - 2030; Đề án Phát triển du lịch vùng lòng hồ thủy điện Sơn La trở thành Khu du lịch quốc gia; Đề án Phát triển du lịch huyện Quỳnh Nhai trở thành Khu du lịch cấp tỉnh, giai đoạn 2021 - 2030...

- Nghiên cứu, sử dụng hiệu quả nguồn vốn ngân sách cho việc đầu tư hỗ trợ khôi phục, bảo tồn văn hóa truyền thống gắn với phát triển hoạt động du lịch cộng đồng được cụ thể hóa tại Nội dung 6: “Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch” thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030.

- Nghiên cứu, sử dụng hiệu quả nguồn vốn ngân sách từ các Chương trình mục tiêu quốc gia để cải tạo, nâng cấp, hoàn thiện kết cấu hạ tầng nông thôn đồng bộ (gồm giao thông, điện, nước sạch, y tế, nhà vệ sinh, bãi đỗ xe, hệ thống chỉ dẫn, hạ tầng số và xử lý môi trường...) tại các điểm du lịch cộng đồng; đồng thời, đẩy mạnh việc phát triển sản phẩm OCOP để khai thác, phát triển các sản phẩm, dịch vụ du lịch mang giá trị cộng đồng, đặc sản vùng miền dựa trên thế mạnh về điều kiện tự nhiên, nguyên liệu, tri thức và văn hóa bản địa.

- Nghiên cứu xây dựng, lồng ghép chính sách hỗ trợ phát triển du lịch cộng đồng trên địa bàn tỉnh Sơn La.

- Tập trung ưu tiên nguồn vốn hỗ trợ phát triển du lịch cộng đồng thông qua hoạt động hỗ trợ giai đoạn 2 của dự án GREAT.

- Rà soát, điều chỉnh, bổ sung các cơ chế phối hợp có hiệu quả giữa các sở, ban, ngành và địa phương, bảo đảm đồng bộ, tránh chồng chéo, trùng lặp nhằm thúc đẩy phát triển du lịch cộng đồng; đẩy mạnh hoạt động theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, thanh tra, giám sát hoạt động thực thi công vụ.

2. Đầu tư hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật

- Lựa chọn điểm tiêu biểu để xây dựng kế hoạch và chương trình hành động dài hạn đối với đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất du lịch cộng đồng theo hướng bền vững, giữ gìn cảnh quan, môi trường, đầu tư hạ tầng cho khu vực được lựa chọn; ưu tiên khảo sát, hỗ trợ đầu tư hạ tầng thiết yếu (đường giao thông nội bản, biển chỉ dẫn, nhà vệ sinh công cộng, điểm dừng chân, nhà sinh hoạt cộng đồng) đối với các xã có tiềm năng phát triển du lịch cộng đồng nhưng chưa được công nhận điểm du lịch.

- Hỗ trợ đầu tư từ ngân sách nhà nước cho phát triển cơ sở hạ tầng, nâng cấp hạ tầng cho các điểm có tiềm năng đón khách du lịch và tổ chức du lịch cộng đồng:

+ Tiếp tục nâng cấp, cải tạo các tuyến đường quốc lộ, tỉnh lộ phục vụ phát triển du lịch; cải tạo nâng cấp các bến xe hiện có... Đẩy mạnh phong trào xây dựng đường giao thông nông thôn theo phương châm “*Nhân dân làm, Nhà nước hỗ trợ*” gắn với thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026 - 2030;

+ Xây dựng bảng chỉ dẫn, thuyết minh điểm du lịch bằng tiếng Việt và các ngôn ngữ khác phục vụ du khách tham quan và tìm hiểu thông tin; xây dựng trạm thông tin, hệ thống kỹ thuật, cấp điện, nước, thông tin, internet, đầu tư cải tạo cảnh quan, thoát nước, xử lý nước thải, rác thải nhà vệ sinh công cộng, nhà sinh hoạt cộng đồng, chợ...

- Huy động các nguồn lực để hỗ trợ vốn ban đầu cho các gia đình, thành viên cộng đồng; đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động du lịch.

- Hướng dẫn hợp tác xã, hộ gia đình tại địa phương nghiên cứu, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất (nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê (homestay), cơ sở dịch vụ ăn uống, nhà hàng, cơ sở dịch vụ vui chơi giải trí, mua sắm, thể thao, y tế...) đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch.

3. Tăng cường mở rộng thị trường, xúc tiến quảng bá, liên kết phát triển sản phẩm

- Tổ chức tuyên truyền, nâng cao nhận thức về du lịch cộng đồng của các cấp, các ngành, các cơ quan, đơn vị, địa phương, tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp đối với hoạt động du lịch cộng đồng.

- Đẩy mạnh, khai thác tốt thị trường khách du lịch nội địa, khách từ các thành phố lớn như Hà Nội, Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Hải Phòng; nghiên cứu tạo dựng và phát triển các phân khúc thị trường quan tâm và có ý thức đối với môi trường tự nhiên và văn hóa bản địa như đối với thị trường khách du lịch quốc tế trên thế giới, chú trọng thị trường khách nội vùng ASEAN, Nhật Bản và khách thị trường xa như châu Âu, Úc...

- Tổ chức các sự kiện, hội nghị, hội thảo nhằm kết nối thông tin, liên kết giữa điểm du lịch cộng đồng với các đơn vị lữ hành, các đơn vị thông tin, truyền thông và khách hàng; xây dựng và ký kết các cam kết cùng khai thác và hưởng lợi giữa điểm du lịch cộng đồng và doanh nghiệp lữ hành, doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ du lịch; đón các đoàn famtrip, press trip khảo sát, trải nghiệm và tổ chức các hội nghị xúc tiến đầu tư phát triển du lịch của tỉnh.

- Hỗ trợ quảng bá, xúc tiến du lịch các điểm du lịch cộng đồng: Phát hành những ấn phẩm (tờ rơi, tờ gấp, tập gấp, sách ảnh, postcard...) có chất lượng và thông tin chính thức về điểm du lịch cộng đồng để giới thiệu với khách du lịch thông tin điểm đến; xây dựng các chuyên mục giới thiệu quảng bá trên các phương tiện truyền thông; tăng cường quảng bá điểm du lịch cộng đồng trên các phương tiện thông tin đại chúng, trang thông tin điện tử, các nền tảng mạng xã hội; tạo điều kiện cho điểm du lịch cộng đồng tham gia các hội chợ, hội nghị, sự kiện về du lịch cấp khu vực và cấp quốc gia nhằm quảng bá hình ảnh, khẳng định thương hiệu.

- Tăng cường công tác chuyên đổi số du lịch: Số hóa dữ liệu quản lý du lịch cộng đồng; xây dựng cơ sở dữ liệu du lịch cộng đồng; hỗ trợ quảng bá du lịch trên các nền tảng số, mạng xã hội; hỗ trợ xây dựng mã QR giới thiệu điểm đến, sản phẩm OCOP và các sản phẩm đặc trưng của các địa phương; nghiên cứu, phát triển mô hình điểm du lịch cộng đồng thông minh gắn với bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa dân tộc tại tỉnh Sơn La.

- Nghiên cứu xây dựng sản phẩm du lịch cộng đồng phù hợp với tài nguyên và từng nhóm thị trường mục tiêu: Khảo sát, đánh giá thực trạng tình hình phát triển du lịch cộng đồng trên địa bàn tỉnh, ưu tiên tập trung vào 06 không gian du lịch theo Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển du lịch giai đoạn 2025 - 2030: Khu du lịch quốc gia Mộc Châu; Vùng lòng hồ thủy điện Sơn La; Khu du lịch Tà Xùa; Khu du lịch Ngọc Chiến; Khu du lịch Pha Đin, Mường Chanh; nghiên cứu, bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống phục vụ phát triển du lịch; bồi dưỡng, đào tạo cán bộ, người lao động; nghiên cứu phương án hỗ trợ cơ sở vật chất, trang thiết bị để đồng bào các dân tộc triển khai các hoạt động, trong đó ưu tiên các dân tộc thiểu số, miền núi; nghiên cứu xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển du lịch cộng đồng, xây dựng cơ chế quản lý, phối hợp giữa các bên liên quan tham gia trong hoạt động du lịch cộng đồng.

4. Tăng cường công tác quy hoạch, khuyến khích đầu tư

- Tổ chức triển khai có hiệu quả Quy hoạch tỉnh Sơn La thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quy hoạch hệ thống du lịch Việt Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và các quy hoạch chuyên ngành liên quan; nghiên cứu phát triển du lịch cộng đồng trong quá trình lập các quy hoạch chung, bảo đảm khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế về cảnh quan, văn hóa bản địa gắn với phát triển hạ tầng phục vụ du lịch; kêu gọi, thu hút đầu tư và triển khai các dự án ưu tiên phát triển du lịch.

- Tích cực mời gọi và ưu tiên các thành phần kinh tế, các nhà đầu tư có tiềm năng, kinh nghiệm tham gia đầu tư vào các khu, điểm du lịch trọng điểm; tư vấn, hỗ trợ, hướng dẫn doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư phát triển du lịch cộng đồng trên địa bàn tỉnh Sơn La.

5. Tăng cường bảo tồn, phát triển giá trị văn hóa

- Tuyên truyền, vận động các hộ gia đình tham gia làm du lịch cộng đồng trên cơ sở giữ gìn truyền thống gia đình, dòng tộc; khai thác các giá trị văn hóa truyền thống của địa phương.

- Bảo tồn, phát huy lễ hội truyền thống, văn hóa, văn nghệ dân gian của các dân tộc thiểu số; phục dựng, trình diễn trích đoạn lễ hội, xây dựng đội văn nghệ quần chúng phục vụ khách du lịch; xây dựng các sản phẩm du lịch trải nghiệm gắn với khai thác giá trị văn hóa truyền thống; tổ chức các sự kiện, ngày hội, giao lưu, liên hoan về các loại hình văn hóa, nghệ thuật truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số; hội thi các môn thể thao dân tộc; khuyến khích phát triển làng nghề truyền thống phục vụ khách du lịch... nhằm phát huy giá trị di sản văn hóa phục vụ phát triển du lịch cộng đồng.

- Nghiên cứu, đưa nội dung chính sách bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa gắn với phát triển du lịch vào chính sách chung hỗ trợ phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Sơn La trong giai đoạn tiếp theo.

6. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

- Hướng dẫn các địa phương, cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch thực hiện đúng các quy định của Luật Du lịch và các văn bản có liên quan trong phát triển du lịch cộng đồng; hướng dẫn các tiêu chuẩn du lịch cộng đồng theo tiêu chuẩn TCVN 13259:2020, tiêu chuẩn du lịch cộng đồng của ASEAN; các quy trình, thủ tục liên quan đến đầu tư, xây dựng, giao thông, đất đai, môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm, công tác an ninh, trật tự, phòng cháy, chữa cháy, phòng chống các tệ nạn xã hội tại các điểm du lịch cộng đồng... và xây dựng hồ sơ công nhận điểm du lịch, hồ sơ sản phẩm OCOP đối với dịch vụ du lịch cộng đồng.

- Xây dựng kế hoạch tổ chức đào tạo, bồi dưỡng công tác quản lý nhà nước cho cán bộ quản lý ở địa phương; đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho nguồn nhân lực du lịch trên cơ sở đa dạng hóa các hình thức đào tạo và huy động mọi nguồn lực, hợp tác để phát triển số lượng, chất lượng nguồn nhân lực của ngành phù hợp với từng giai đoạn phát triển; chú trọng đào tạo kỹ năng nghề và kỹ năng mềm cho lực lượng lao động trực tiếp phục vụ du lịch; tổ chức đào tạo, bồi

duỡng kiến thức, kỹ năng cho cộng đồng dân cư tham gia kinh doanh du lịch và góp phần quảng bá điểm đến, hình ảnh du lịch của địa phương; khảo sát thực tế, trao đổi kinh nghiệm với các địa phương đã triển khai thành công hoạt động du lịch cộng đồng.

- Tăng cường liên kết đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho lao động tại các điểm du lịch cộng đồng trên địa bàn tỉnh Sơn La.

- Tuyên truyền, nâng cao trách nhiệm của cộng đồng trong phát triển du lịch; thành lập ban quản lý và các nhóm chuyên môn tại điểm du lịch; xây dựng bộ quy tắc ứng xử, xác định rõ vai trò, trách nhiệm và lợi ích của các thành viên trong cộng đồng.

7. Tăng cường bảo vệ tài nguyên và môi trường

- Tuyên truyền, giáo dục, tập huấn nâng cao ý thức trách nhiệm của người dân và khách du lịch về bảo vệ tài nguyên và môi trường du lịch, trồng cây xanh, tạo cảnh quan sinh thái tại các điểm du lịch, giảm thiểu ô nhiễm môi trường cho cộng đồng.

- Triển khai thực hiện tốt kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu; khuyến khích sử dụng năng lượng tái tạo, nguồn năng lượng an toàn nhằm giảm thiểu biến đổi khí hậu và ô nhiễm không khí.

(Có biểu nhiệm vụ, giải pháp chi tiết kèm theo)

IV. KINH PHÍ

1. Nguồn kinh phí triển khai thực hiện đầu tư của tỉnh giai đoạn 2026 - 2030;
2. Nguồn kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Sơn La;
3. Nguồn kinh phí các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026 - 2030;
4. Nguồn kinh phí ngân sách nhà nước cấp hàng năm cho các hoạt động du lịch.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị, UBND các xã, phường trên địa bàn tỉnh triển khai thực hiện kế hoạch đảm bảo nội dung, tiến độ, hiệu quả.

- Hằng năm tổng hợp kết quả triển khai thực hiện các nhiệm vụ từ các sở, ngành, đơn vị, UBND các xã; đề xuất các giải pháp khắc phục khó khăn, vướng mắc báo cáo UBND tỉnh.

- Phối hợp với Sở Tài chính đề xuất nguồn kinh phí triển khai thực hiện kế hoạch đảm bảo tiến độ, lộ trình.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác liên quan.

2. Sở Tài chính

Căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách địa phương, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thẩm định, tham mưu cấp có thẩm quyền xem xét, bố trí kinh phí từ các nguồn vốn phù hợp theo phân cấp quản lý ngân sách nhà nước hiện hành.

3. Các sở, ban, ngành, đơn vị

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ giao tại kế hoạch bảo đảm nội dung, tiến độ, hiệu quả.

- Định kỳ hằng năm xây dựng báo cáo kết quả triển khai thực hiện và đề xuất các giải pháp khắc phục khó khăn, vướng mắc gửi về Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổng hợp.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác liên quan.

4. UBND các xã, phường trên địa bàn tỉnh

- Tuyên truyền sâu rộng các nội dung của Đề án đến cán bộ, đảng viên Nhân dân trong xã và các nhà đầu tư trong và ngoài tỉnh.

- Xây dựng kế hoạch, đề án, chương trình khảo sát tiềm năng, phát triển du lịch cộng đồng trên địa bàn quản lý hoặc lồng ghép với các chương trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ giao tại kế hoạch đảm bảo nội dung, tiến độ, hiệu quả;

- Hàng năm chủ động rà soát nhiệm vụ, lập dự toán kinh phí trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Định kỳ hằng năm xây dựng báo cáo kết quả triển khai thực hiện và đề xuất các giải pháp khắc phục khó khăn, vướng mắc gửi về Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổng hợp.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác liên quan.

5. Hiệp hội Du lịch tỉnh

- Tích cực tuyên truyền, đăng tải, phổ biến nội dung Đề án nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm, tạo sự đồng thuận xã hội và thống nhất cao trong quá trình tổ chức thực hiện đề án.

- Tuyên truyền vận động các hợp tác xã, doanh nghiệp du lịch, các nhà đầu tư tăng cường xúc tiến, quảng bá, phát triển thị trường, tập trung phát triển sản phẩm du lịch cộng đồng độc đáo, chuyên nghiệp thu hút khách du lịch.

- Định kỳ hằng năm xây dựng báo cáo kết quả triển khai thực hiện và đề xuất các giải pháp khắc phục khó khăn, vướng mắc gửi về Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổng hợp./.

BIỂU NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM GIAI ĐOẠN 2026- 2030
(Kèm theo Quyết định số 1593/QĐ-UBND ngày 30/6/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Nội dung	Thời gian	Chủ trì	Phối hợp
1	Tăng cường lồng ghép chính sách đầu tư, hỗ trợ phát triển du lịch cộng đồng; lồng ghép, sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn ngân sách nhà nước			
1.1	Triển khai có hiệu quả Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 30/12/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển du lịch giai đoạn 2025 - 2030; Quyết định 954/QĐ-UBND ngày 17/4/2026 của UBND tỉnh Sơn La về việc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 30/12/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển du lịch giai đoạn 2025 - 2030. Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình, đề án, dự án phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Sơn La như: Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030; Đề án Phát triển du lịch giai đoạn 2025 - 2030; Đề án Phát triển du lịch vùng lòng hồ thủy điện Sơn La trở thành Khu du lịch quốc gia; Đề án Phát triển du lịch huyện Quỳnh Nhai trở thành Khu du lịch cấp tỉnh, giai đoạn 2021 - 2030 ...	2026 - 2030	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, các xã, phường	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường; các tổ chức, đơn vị liên quan

TT	Nội dung	Thời gian	Chủ trì	Phối hợp
1.2	Nghiên cứu, sử dụng hiệu quả nguồn vốn ngân sách cho việc đầu tư hỗ trợ khôi phục, bảo tồn văn hóa truyền thống gắn với phát triển hoạt động du lịch cộng đồng được cụ thể hóa tại Dự án 6: “Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch” thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030	2026 - 2030	Sở Dân tộc và Tôn giáo	Các sở, ban, ngành; các tổ chức và đơn vị liên quan; UBND các xã, phường; các tổ chức, đơn vị liên quan
1.3	Nghiên cứu, sử dụng hiệu quả nguồn vốn ngân sách từ các Chương trình mục tiêu quốc gia để cải tạo, nâng cấp, hoàn thiện kết cấu hạ tầng nông thôn đồng bộ (gồm giao thông, điện, nước sạch, y tế, nhà vệ sinh, bãi đỗ xe, hệ thống chỉ dẫn, hạ tầng số và xử lý môi trường...) tại các điểm du lịch cộng đồng; đồng thời, đẩy mạnh việc phát triển sản phẩm OCOP để khai thác, phát triển các sản phẩm, dịch vụ du lịch mang giá trị cộng đồng, đặc sản vùng miền dựa trên thế mạnh về điều kiện tự nhiên, nguyên liệu, tri thức và văn hóa bản địa	2026 - 2030	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường; các tổ chức, đơn vị cá nhân có liên quan
1.4	Nghiên cứu xây dựng, lồng ghép chính sách hỗ trợ phát triển du lịch cộng đồng trên địa bàn tỉnh Sơn La	Năm 2026	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường; các tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan
1.5	Tập trung ưu tiên nguồn vốn hỗ trợ phát triển du lịch cộng đồng thông qua hoạt động hỗ trợ giai đoạn 2 của dự án GREAT	2026 - 2030	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành; các tổ chức và đơn vị liên quan;

TT	Nội dung	Thời gian	Chủ trì	Phối hợp
1.6	Rà soát, điều chỉnh, bổ sung các cơ chế phối hợp có hiệu quả giữa các sở, ban, ngành và địa phương, bảo đảm đồng bộ, tránh chồng chéo, trùng lặp nhằm thúc đẩy phát triển du lịch cộng đồng; đẩy mạnh hoạt động theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, thanh tra, giám sát hoạt động thực thi công vụ	2026 - 2030	Các sở, ban, ngành, đơn vị; UBND các xã, phường; Hiệp hội Du lịch tỉnh	Các sở, ban, ngành; các tổ chức và đơn vị liên quan
2	Đầu tư hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật			
2.1	Lựa chọn điểm tiêu biểu để xây dựng kế hoạch và chương trình hành động dài hạn đối với đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất du lịch cộng đồng theo hướng bền vững, giữ gìn cảnh quan, môi trường, đầu tư hạ tầng cho khu vực được lựa chọn; ưu tiên khảo sát, hỗ trợ đầu tư hạ tầng thiết yếu (đường giao thông nội bản, biển chỉ dẫn, nhà vệ sinh công cộng, điểm dừng chân, nhà sinh hoạt cộng đồng) đối với các xã có tiềm năng phát triển du lịch cộng đồng nhưng chưa được công nhận điểm du lịch.	2026 - 2030	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Các tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan
2.2	Hỗ trợ đầu tư từ ngân sách nhà nước cho phát triển cơ sở hạ tầng, nâng cấp hạ tầng cho các điểm có tiềm năng đón khách du lịch và tổ chức du lịch cộng đồng:			
-	Tiếp tục nâng cấp, cải tạo các tuyến đường quốc lộ, tỉnh lộ phục vụ phát triển du lịch; cải tạo nâng cấp các bến xe hiện có... Đẩy mạnh phong trào xây dựng đường giao thông nông thôn theo phương châm “ <i>Nhân dân làm, Nhà nước hỗ trợ</i> ” gắn với thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026-2030;	2026 - 2030	Sở Xây dựng; UBND các xã, phường	Các sở, ban, ngành; các tổ chức, đơn vị liên quan

TT	Nội dung	Thời gian	Chủ trì	Phối hợp
-	Xây dựng bảng chỉ dẫn, thuyết minh điểm du lịch bằng tiếng Việt và các ngôn ngữ khác phục vụ du khách tham quan và tìm hiểu thông tin; xây dựng trạm thông tin, hệ thống kỹ thuật, cáp điện, nước, thông tin, internet, đầu tư cải tạo cảnh quan, thoát nước, xử lý nước thải, rác thải nhà vệ sinh công cộng, nhà sinh hoạt cộng đồng, chợ...	2026 - 2030	UBND các xã, phường; các khu, điểm, doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ du lịch	Các sở, ban, ngành; các tổ chức, đơn vị liên quan
2.3	Huy động các nguồn lực để hỗ trợ vốn ban đầu cho các gia đình, thành viên cộng đồng; đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động du lịch	2026 - 2030	UBND các xã, phường; các khu, điểm, doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ du lịch	Các sở, ban, ngành; các tổ chức, đơn vị liên quan
2.4	Hướng dẫn hợp tác xã, hộ gia đình tại địa phương nghiên cứu, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất (nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê (homestay), cơ sở dịch vụ ăn uống, nhà hàng, cơ sở dịch vụ vui chơi giải trí, mua sắm, thể thao, y tế...) đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	2026 - 2030	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các sở, ban, ngành; các tổ chức và đơn vị liên quan; UBND các xã, phường
3	Tăng cường mở rộng thị trường, xúc tiến quảng bá, liên kết phát triển sản phẩm			
3.1	Tổ chức tuyên truyền, nâng cao nhận thức về du lịch cộng đồng của các cấp, các ngành, các cơ quan, đơn vị, địa phương, tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp đối với hoạt động du lịch cộng đồng	2026- 2030	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; UBND các xã, phường	Các sở, ban, ngành; các tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan

TT	Nội dung	Thời gian	Chủ trì	Phối hợp
3.2	Đẩy mạnh, khai thác tốt thị trường khách du lịch nội địa, khách từ các thành phố lớn như Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Hải Phòng; nghiên cứu tạo dựng và phát triển các phân khúc thị trường quan tâm và có ý thức đối với môi trường tự nhiên và văn hóa bản địa như đối với thị trường khách du lịch quốc tế trên thế giới, chú trọng thị trường khách nội vùng ASEAN, Nhật Bản và khách thị trường xa như châu Âu, Úc...	2026-2030	Điểm du lịch cộng đồng; doanh nghiệp lữ hành; HTX, hộ kinh doanh du lịch cộng đồng	Các sở, ban, ngành; các tổ chức, đơn vị liên quan; UBND các xã, phường
3.3	Tổ chức các sự kiện, hội nghị, hội thảo nhằm kết nối thông tin, liên kết giữa điểm du lịch cộng đồng với các đơn vị lữ hành, các đơn vị thông tin, truyền thông và khách hàng; xây dựng và ký kết các cam kết cùng khai thác và hưởng lợi giữa điểm du lịch cộng đồng và doanh nghiệp lữ hành, doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ du lịch; đón các đoàn famtrip, press trip khảo sát, trải nghiệm và tổ chức các hội nghị xúc tiến đầu tư phát triển du lịch của tỉnh	2026-2030	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch; UBND các xã, phường	Các sở, ban, ngành; các tổ chức, đơn vị liên quan
3.4	Hỗ trợ quảng bá, xúc tiến du lịch các điểm du lịch cộng đồng: Phát hành những ấn phẩm (tờ rơi, tờ gấp, tập gấp, sách ảnh, postcard...) có chất lượng và thông tin chính thức về điểm du lịch cộng đồng để giới thiệu với khách du lịch thông tin điểm đến; xây dựng các chuyên mục giới thiệu quảng bá trên các phương tiện truyền thông; tăng cường quảng bá điểm du lịch cộng đồng trên các phương tiện thông tin đại chúng, trang thông tin điện tử, các nền tảng mạng xã hội; tạo điều kiện cho điểm du lịch	2026-2030	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch; UBND các xã, phường	Các sở, ban, ngành; các tổ chức, đơn vị liên quan

TT	Nội dung	Thời gian	Chủ trì	Phối hợp
	cộng đồng tham gia các hội chợ, hội nghị, sự kiện về du lịch cấp khu vực và cấp quốc gia nhằm quảng bá hình ảnh, khẳng định thương hiệu			
3.5	Tăng cường công tác chuyển đổi số du lịch			
-	Số hóa dữ liệu quản lý du lịch cộng đồng; xây dựng cơ sở dữ liệu du lịch cộng đồng; hỗ trợ quảng bá du lịch trên các nền tảng số, mạng xã hội; hỗ trợ xây dựng mã QR giới thiệu điểm đến, sản phẩm OCOP và các sản phẩm đặc trưng của các địa phương	2026-2030	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường; các tổ chức, đơn vị liên quan
-	Nghiên cứu, phát triển mô hình điểm du lịch cộng đồng thông minh gắn với bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa dân tộc tại tỉnh Sơn La	2026	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; UBND các xã, phường
3.6	Nghiên cứu xây dựng sản phẩm du lịch cộng đồng phù hợp với tài nguyên và từng nhóm thị trường mục tiêu: Khảo sát, đánh giá thực trạng tình hình phát triển du lịch cộng đồng trên địa bàn tỉnh; ưu tiên tập trung vào 06 không gian du lịch theo Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 30/12/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển du lịch giai đoạn 2025 - 2030: Khu du lịch quốc gia Mộc Châu; Vùng lòng hồ thủy điện Sơn La; Khu du lịch Tà Xùa; Khu du lịch Ngọc Chiến; Khu du lịch Pha Đin, Mường Chanh; nghiên cứu, bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống phục vụ phát triển du lịch; bồi dưỡng, đào tạo cán bộ, người lao động; nghiên cứu phương án hỗ trợ cơ sở vật chất, trang thiết bị để đồng bào các dân tộc triển khai các hoạt động, trong đó ưu tiên các dân tộc	2026-2030	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; UBND các xã, phường	Các sở, ban, ngành; các tổ chức, đơn vị liên quan

TT	Nội dung	Thời gian	Chủ trì	Phối hợp
	thiếu số, miền núi; nghiên cứu xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển du lịch cộng đồng, xây dựng cơ chế quản lý, phối hợp giữa các bên liên quan tham gia trong hoạt động du lịch cộng đồng.			
4	Tăng cường công tác quy hoạch, khuyến khích đầu tư			
4.1	Tổ chức triển khai có hiệu quả Quy hoạch tỉnh Sơn La thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quy hoạch hệ thống du lịch Việt Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và các quy hoạch chuyên ngành liên quan; nghiên cứu phát triển du lịch cộng đồng trong quá trình lập các quy hoạch chung, bảo đảm khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế về cảnh quan, văn hóa bản địa gắn với phát triển hạ tầng phục vụ du lịch; kêu gọi, thu hút đầu tư và triển khai các dự án ưu tiên phát triển du lịch	2026-2030	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Xây dựng, Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch; UBND các xã, phường	Các sở, ban, ngành; các tổ chức, đơn vị liên quan
4.2	Tích cực mời gọi và ưu tiên các thành phần kinh tế, các nhà đầu tư có tiềm năng, kinh nghiệm tham gia đầu tư vào các khu, điểm du lịch trọng điểm; tư vấn, hỗ trợ, hướng dẫn doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư phát triển du lịch cộng đồng trên địa bàn tỉnh Sơn La	2026-2030	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Các sở, ban, ngành; các tổ chức, đơn vị liên quan
5	Tăng cường bảo tồn, phát triển giá trị văn hóa			
5.1	Tuyên truyền, vận động các hộ gia đình tham gia làm du lịch cộng đồng trên cơ sở giữ gìn truyền thống gia đình, dòng tộc; khai thác các giá trị văn hóa truyền thống của địa phương	2026-2030	UBND các xã, phường	Các sở, ban, ngành; các tổ chức, đơn vị liên quan

TT	Nội dung	Thời gian	Chủ trì	Phối hợp
5.2	Bảo tồn, phát huy lễ hội truyền thống, văn hóa, văn nghệ dân gian của các dân tộc thiểu số; phục dựng, trình diễn trích đoạn lễ hội, xây dựng đội văn nghệ quần chúng phục vụ khách du lịch; xây dựng các sản phẩm du lịch trải nghiệm gắn với khai thác giá trị văn hóa truyền thống; tổ chức các sự kiện, ngày hội, giao lưu, liên hoan về các loại hình văn hóa, nghệ thuật truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số; hội thi các môn thể thao dân tộc; khuyến khích phát triển làng nghề truyền thống phục vụ khách du lịch... nhằm phát huy giá trị di sản văn hóa phục vụ phát triển du lịch cộng đồng	2026-2030	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; UBND các xã, phường	Các sở, ban, ngành; các tổ chức, đơn vị liên quan
5.3	Nghiên cứu, đưa nội dung chính sách bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa gắn với phát triển du lịch vào chính sách chung hỗ trợ phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Sơn La trong giai đoạn tiếp theo	2026	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường; các tổ chức, đơn vị liên quan
6	Nâng cao chất lượng chất lượng nguồn nhân lực			
6.1	Hướng dẫn các địa phương, cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch thực hiện đúng các quy định của Luật Du lịch và các văn bản có liên quan trong phát triển du lịch cộng đồng; hướng dẫn các tiêu chuẩn du lịch cộng đồng theo tiêu chuẩn TCVN 13259:2020, tiêu chuẩn du lịch cộng đồng của ASEAN; các quy trình, thủ tục liên quan đến đầu tư, xây dựng, giao thông, đất đai, môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm, công tác an ninh, trật tự, phòng cháy, chữa cháy, phòng chống các tệ nạn xã hội tại các điểm	2026- 2030	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Các tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan

TT	Nội dung	Thời gian	Chủ trì	Phối hợp
	du lịch cộng đồng... và xây dựng hồ sơ công nhận điểm du lịch, hồ sơ sản phẩm OCOP đối với dịch vụ du lịch cộng đồng			
6.2	Xây dựng kế hoạch tổ chức đào tạo, bồi dưỡng công tác quản lý nhà nước cho cán bộ quản lý ở địa phương; đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho nguồn nhân lực du lịch trên cơ sở đa dạng hóa các hình thức đào tạo và huy động mọi nguồn lực, hợp tác để phát triển số lượng, chất lượng nguồn nhân lực của ngành phù hợp với từng giai đoạn phát triển; chú trọng đào tạo kỹ năng nghề và kỹ năng mềm cho lực lượng lao động trực tiếp phục vụ du lịch; tổ chức đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng cho cộng đồng dân cư tham gia kinh doanh du lịch và góp phần quảng bá điểm đến, hình ảnh du lịch của địa phương; khảo sát thực tế, trao đổi kinh nghiệm với các địa phương đã triển khai thành công hoạt động du lịch cộng đồng.	2026-2030	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch; Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch; UBND các xã, phường	Các sở, ban, ngành; các tổ chức, đơn vị liên quan
6.3	Tăng cường liên kết đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho lao động tại các điểm du lịch cộng đồng trên địa bàn tỉnh Sơn La	2026-2030	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch; Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch; UBND các xã, phường	Các sở, ban, ngành; các tổ chức, đơn vị liên quan
6.4	Tuyên truyền, nâng cao trách nhiệm của cộng đồng trong	2026-2030	UBND các xã,	Các sở, ban,

TT	Nội dung	Thời gian	Chủ trì	Phối hợp
	phát triển du lịch; thành lập ban quản lý và các nhóm chuyên môn tại điểm du lịch; xây dựng bộ quy tắc ứng xử, xác định rõ vai trò, trách nhiệm và lợi ích của các thành viên trong cộng đồng		phường	ngành; các tổ chức, đơn vị liên quan
7	Tăng cường bảo vệ tài nguyên và môi trường			
7.1	Tuyên truyền, giáo dục, tập huấn nâng cao ý thức trách nhiệm của người dân và khách du lịch về bảo vệ tài nguyên và môi trường du lịch, trồng cây xanh, tạo cảnh quan sinh thái tại các điểm du lịch, giảm thiểu ô nhiễm môi trường cho cộng đồng	2026-2030	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành; các tổ chức và đơn vị liên quan; UBND các xã, phường
7.2	Triển khai thực hiện tốt kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu; khuyến khích sử dụng năng lượng tái tạo, nguồn năng lượng an toàn nhằm giảm thiểu biến đổi khí hậu và ô nhiễm không khí	2026-2030	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành; các tổ chức và đơn vị liên quan; UBND các xã, phường

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số 1596/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 01 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Triển khai thi hành Luật Phòng, chống ma túy năm 2025

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Phòng, chống ma túy ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 80/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Quyết định số 152/QĐ-TTg ngày 20 tháng 01 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Phòng, chống ma túy năm 2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Công an tỉnh tại Tờ trình số 238/TTr-CAT-PMT ngày 09 tháng 6 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch triển khai thi hành Luật Phòng, chống ma túy năm 2025 trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các sở, ngành; Chủ tịch UBND các xã, phường và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Đình Việt

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH

Triển khai thi hành Luật Phòng, chống ma túy trên địa bàn tỉnh Sơn La
(Kèm theo Quyết định số 1596/QĐ-UBND ngày 01/7/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Luật Phòng, chống ma túy số 120/2025/QH15 được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp thứ 10, ngày 10 tháng 12 năm 2025, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2026 (sau đây gọi là Luật).

Nhằm triển khai thi hành Luật kịp thời, thống nhất và hiệu quả theo Kế hoạch triển khai thi hành Luật ban hành kèm theo Quyết định số 152/QĐ-TTg ngày 20 tháng 01 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh Sơn La ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật với các nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Xác định rõ nội dung công việc, thời gian, tiến độ hoàn thành và trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân có liên quan để triển khai thi hành Luật. Đảm bảo đến ngày 01 tháng 7 năm 2026, Luật, các văn bản liên quan được thi hành đồng bộ, thống nhất, hiệu lực, hiệu quả trên toàn thành phố.

2. Tuyên truyền, phổ biến, tập huấn Luật và các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật đến cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, lực lượng vũ trang và Nhân dân, nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp, ngành, đoàn thể và Nhân dân trong việc thi hành Luật.

3. Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn kịp thời giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thi hành Luật.

II. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM VÀ PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM

1. Tuyên truyền, phổ biến Luật và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật

1.1. Phân công trách nhiệm thực hiện

- Công an tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức tuyên truyền, phổ biến Luật và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật cho các đối tượng thuộc phạm vi quản lý.

- Sở Tư pháp tổ chức triển khai công tác phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng, chống ma túy theo Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật.

- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với Công an tỉnh và các đơn vị liên quan định hướng các cơ quan báo chí, phát thanh, truyền hình tuyên truyền, phổ biến Luật và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật.

- Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh tổ chức tuyên truyền, phổ biến Luật và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật cho các đối tượng thuộc phạm vi quản lý, nhất là lực lượng Bộ đội Biên phòng làm công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm ma túy.

- Đề nghị Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh tổ chức tập huấn, phổ biến, quán triệt nội dung của Luật và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật đến cán bộ, người lao động, nhất là cán bộ lãnh đạo, cán bộ trực tiếp giải quyết các vụ án liên quan đến tội phạm ma túy.

- Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên (*Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Hội Nông dân, Liên đoàn lao động, Hội cựu Công an nhân dân tỉnh*) tổ chức tuyên truyền, phổ biến Luật và văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật đến các hội viên và tầng lớp Nhân dân.

- Các sở, ban, ngành trong phạm vi, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức tuyên truyền, phổ biến Luật và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật trong đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan do cơ quan quản lý.

- UBND cấp xã chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức tuyên truyền, phổ biến Luật và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật đến các tổ chức và Nhân dân trên địa bàn.

1.2. Thời gian thực hiện: Năm 2026 và các năm tiếp theo.

2. Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật về phòng, chống ma túy

2.1. Cơ quan chủ trì: Công an tỉnh

- Cử cán bộ tham gia tập huấn Luật và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật do Bộ Công an tổ chức.

- Phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức Luật và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật.

2.2. Cơ quan phối hợp: Các sở, ban, ngành, địa phương có liên quan.

2.3. Thời gian thực hiện: Năm 2026 và các năm tiếp theo.

3. Rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật về phòng, chống ma túy

3.1. Đối với các văn bản do Trung ương ban hành

Báo cáo đề xuất cơ quan có thẩm quyền kịp thời sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ các văn bản có liên quan đến Luật Phòng, chống ma túy năm 2021 để đảm bảo sự thống nhất, phù hợp với các quy định của Luật Phòng, chống ma túy năm 2025.

- Cơ quan thực hiện: Các sở, ngành.

- Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

3.2. Đối với văn bản của HĐND tỉnh, UBND tỉnh

Căn cứ vào các văn bản quy phạm pháp luật của Quốc hội, Chính phủ, các Bộ, tình hình thực tiễn của địa phương và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, chủ động tổ chức rà soát các văn bản quy phạm pháp luật do HĐND tỉnh, UBND tỉnh ban hành và phối hợp với Sở Tư pháp tham mưu HĐND tỉnh, UBND tỉnh kịp thời sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới để đảm bảo thống nhất, phù hợp với quy định của Luật Phòng, chống ma túy năm 2025.

- Cơ quan chủ trì: Công an tỉnh.

- Cơ quan phối hợp thực hiện: Các sở, ngành, UBND cấp xã hoàn thành báo cáo kết quả rà soát gửi về Công an tỉnh trước ngày 15 tháng 7 năm 2026.

- Thời gian thực hiện: Theo yêu cầu của Bộ Công an.

4. Xây dựng văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật

4.1. Tham mưu tổ chức triển khai thực hiện Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật; dự thảo Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về việc thành lập, giải thể cơ sở cai nghiện ma túy công lập, trường giáo dưỡng; điều kiện về nhân sự và chế độ quản lý tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập, trường giáo dưỡng; thi hành quyết định đưa người nghiện ma túy đến cai nghiện ma túy tại cơ sở cai nghiện ma túy.

- Đơn vị thực hiện: Công an tỉnh chủ trì.

- Thời gian thực hiện: Theo yêu cầu của Bộ Công an.

4.2. Tham mưu tổ chức triển khai thực hiện và tổ chức lấy ý kiến góp ý dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định cơ sở y tế đủ điều kiện xác định tình trạng nghiện ma túy; hồ sơ, trình tự, thủ tục xác định tình trạng nghiện ma túy; dự thảo Thông tư của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định tiêu chuẩn chẩn đoán và quy trình chuyên môn để xác định tình trạng nghiện ma túy.

- Đơn vị thực hiện: Sở Y tế chủ trì.

- Thời gian thực hiện: Theo yêu cầu của Bộ Y tế.

4.3. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện và tổ chức lấy ý kiến góp ý dự thảo Pháp lệnh của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về trình tự, thủ tục Tòa án nhân dân xem xét, quyết định việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa đi cai nghiện bắt buộc theo yêu cầu của Tòa án nhân dân tối cao.

5. Tổ chức kiểm tra thi hành Luật

- Cơ quan chủ trì: Công an tỉnh.

- Cơ quan phối hợp: Sở Tư pháp và các cơ quan, tổ chức có liên quan.

- Thời gian thực hiện: năm 2026 và các năm tiếp theo.

III. KINH PHÍ

1. Kinh phí đảm bảo thực hiện Kế hoạch này do ngân sách nhà nước đảm bảo hằng năm theo phân cấp của Luật Ngân sách nhà nước đã được giao trong dự

toán của các sở, ban, ngành, địa phương và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan bố trí kinh phí thường xuyên theo pháp luật về ngân sách Nhà nước đảm bảo triển khai thực hiện Kế hoạch này.

3. Các sở, ban, ngành, địa phương căn cứ nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này có trách nhiệm lập kế hoạch, dự toán, quản lý sử dụng, quyết toán và báo cáo cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các quy định pháp luật có liên quan.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ và nhiệm vụ được phân công tại Kế hoạch này xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Luật trong phạm vi quản lý, đảm bảo đúng tiến độ, chất lượng, hiệu quả, tiết kiệm, tránh hình thức, lãng phí; gửi kế hoạch về Công an tỉnh (*qua Phòng Cảnh sát Điều tra tội phạm về ma túy trước ngày 10 tháng 7 năm 2026*) và định kỳ hằng năm (*trước ngày 15 tháng 11*) hoặc đột xuất theo yêu cầu của cấp trên, báo cáo kết quả thực hiện về Công an tỉnh để tổng hợp báo cáo.

2. Giao Công an tỉnh - Cơ quan thường trực theo dõi, đôn đốc và kiểm tra việc triển khai, thực hiện của các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh; định kỳ hoặc đột xuất tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện về UBND tỉnh, Bộ Công an theo quy định.

3. Trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch này, nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị các sở, ban, ngành, địa phương và các đơn vị liên quan phản ánh kịp thời về Công an tỉnh (*qua Phòng Cảnh sát Điều tra tội phạm về ma túy*) để tổng hợp, hướng dẫn hoặc trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định./.

VĂN PHÒNG UBND TỈNH SƠN LA

Trung tâm Thông tin - Văn phòng UBND tỉnh Sơn La, Trụ sở HĐND - UBND
- UBNDTTQVN tỉnh và một số Sở, ban, ngành của tỉnh. Phường Chiềng Cơi,
tỉnh Sơn La

Điện thoại: 0212.3751.595 - 02123751091

Email: congbaosonla@gmail.com